

PHÊ BÌNH ! Nào có khó gì ! Trong công chúng người ta đã chẳng lưu truyền câu sáo ngữ « *Phê-bình dễ nhưng sáng tác khó* » đấy sao ! Ông già Prémery trong một cuốn tiểu thuyết của E. Jaloux bảo một thanh niên. « Anh biết phân biệt *do với sol* đấy chứ ? Tôi sẽ giới thiệu anh làm một nhà phê bình âm nhạc ». Trông một bức họa ta chê bai này màu đặt vụng về, này nét không được tinh vi, tuyệt hảo. Nhưng thử hỏi cầm bút lông trước giấy trắng ta có tạo nên được một họa phẩm có giá trị hơn không ?

Đã đành sự thực là thế, nhưng ta không thể không nhận rằng hai chữ « phê bình » trong câu chê bai ấy vẫn chưa được định nghĩa một cách rõ rệt. Chê khen : « Tôi quá chẳng ra gì », hoặc « Khá thật, hay lắm ! » có mất một sự cố gắng nào đâu ? Ai là chả có thể thốt ra những lời ấy, và nếu phê bình chỉ có thể thôi thì phân biệt được *do với sol* có thể làm nhà phê bình âm nhạc được rồi.

Nhưng phê bình không phải là « bình-phẩm » Nói : « bình phẩm » một nghĩa hẹp thì bảo : « Chê bai dễ, sáng tác khó ». Ta không nói một điều mới mẻ gì khi bảo phê bình cũng là một nghệ thuật. Người ta đem « nghệ thuật » (l'art) cho sánh đối với « phê bình » (la critique), nhưng ta có thể cãi lại rằng Phê bình cũng là một nghệ thuật ; có một *nghệ thuật phê bình*. Khi phê bình đã được nâng cao lên địa vị một nghệ thuật thì tất cả những rề rúng bất công đối với nó đều là vô lý.

Phê bình là một nghệ thuật. Theo quan niệm này thì nhà phê bình cũng cần phải có thiên tài và trở nên một nhà đại phê bình cũng khó khăn như trở nên một nhà sử học, một tiểu thuyết gia có tiếng. Vậy nếu chàng thanh niên kia chỉ biết nhận âm *sol* khác với âm *do* thì chưa đủ điều kiện làm một nhà phê bình âm nhạc ; và một độc giả khi đọc sách song thấy mình cảm xúc, nhận thấy trong một văn phẩm đoạn này hay, ý này dở chưa chắc đã có thể cầm bút viết được một bài phê bình.

Người ta đã bao lần định nghĩa phê bình. Người thì bảo : « *Phê bình gia là người biết đọc*

NGHỆ THUẬT PHÊ BÌNH

ĐỊNH GIA TRÌNH

sách và dạy cho người khác cách đọc sách » (La critique est celui qui sait lire et qui apprend aux autres à lire). Người thì nói : « *Nhà phê bình lột cái dở, đem diễn tả đến tinh vi cái hay của một tác phẩm, giảng nghĩa tác phẩm cho quần chúng* », v.v. Tự chung trong các định nghĩa có một ý chính : Nhà phê bình là kẻ hành tội các cái xấu và vụng, làm biểu dương cái đẹp của một tác phẩm, cái hay của nghệ thuật, khiến cho độc giả được thưởng thức các tác phẩm một cách dễ dãi, sâu xa và phong phú. Nhà nghệ sĩ có khi cứ để mặc mình đi theo chiều lộn sộn của tư tưởng, của tình cảm theo giòng cảm hứng ; nghệ sĩ trong khi sáng tác có khi quên quần chúng độc giả, chỉ theo luật phối hợp, hoạt động của đời bên trong. Nhà phê bình trước hết hiểu thấu văn sĩ, nghệ sĩ, rồi đem tài mình vẽ lại mối liên lạc trong tư tưởng của tác giả, đem trật tự vào các tư tưởng ấy, để cho một lý trí khách quan mực thước có thể hiểu được một tác phẩm. Nhà phê bình định rõ các tinh tinh của cảm xúc có diễn ra, và đoán, và « sáng tạo » những tinh tinh khác tuy tác giả có cảm xúc có diễn ra và đoán, « sáng tạo » những tinh tinh khác tuy tác giả có cảm xúc mà không diễn, để cho độc giả có thể cảm được cái tinh mà tác giả cảm, thưởng thức được cái ý vị của nó. Thí dụ : mỗi buồn của một thi sĩ, triết lý thất vọng của một văn gia. Nhà phê bình tìm căn nguyên cỗi rễ của mỗi buồn, nỗi thất vọng ấy, gây lại mối liên lạc của những căn nguyên ấy với cái tinh kia, cái triết lý nọ. Rồi nhà phê bình tái tạo cả cái thế giới tinh thần trong đó tác giả đã sống, khiến độc giả cũng rung động trong cái bầu không khí ấy, cũng sống những băn khoăn, những hồi hộp, những cảm xúc của nhà thi sĩ hoặc của triết gia đem tâm hồn mình hòa với tâm hồn tác giả để hiểu những biến trạng, những hiện tượng của tâm hồn ấy. Kẻ có tài dùng chiếc đũa thần, khơi nguồn cảm xúc của độc giả thông với nguồn cảm xúc của tác giả, ấy là nhà phê bình.

Theo quan niệm trên thì nhà phê bình phải có năng lực hiểu được rất nhiều tác giả, lĩnh hội được nhiều tư tưởng, có khi trái ngược nhau, sống những trạng thái tinh thần khác với thói quen của mình. Đi sâu vào tâm hồn của các thời đại, của các cá nhân để giải nghĩa và định giá trị một tác phẩm nghệ thuật. Vậy nhà phê bình tất nhiên phải có một kiến thức rộng một năng lực cảm hội rất mạnh mẽ. Là thi sĩ để đọc thi sĩ, là tiểu thuyết gia để đọc tiểu thuyết.

Năng lực cảm hội ấy chưa đủ, còn phải có văn tài. Làm sống lại một bầu không khí tình cảm, diễn minh bạch mối liên tiếp của một tư tưởng, nào phải công việc dễ. Nó không phải là một sự nhắc lại khô khan, nó cần đến óc phân tích và óc tổng hợp, nó là một công việc sáng tác, *sáng tác nhân dịp những sáng tác của người khác*. Người ta đã thấy thi vị của Shakespeare và Racine trong những trang có duyên của Jules Lemaitre, người ta cảm cái buồn thấm thía của Chateaubriand như Chateaubriand qua lời văn điêu luyện của Paul Hazard.

Như vậy thì nhà phê bình phải thông minh thiện cảm mà Michelet đòi ở nhà sử học ! Vậy thì khi bạn muốn phê bình âm nhạc khi nghe một bài của một nhạc sĩ, bạn cần phải sống cái tinh cảm mà nhạc sĩ muốn kêu gọi, có khi cả cái tư tưởng nhạc sĩ muốn diễn tả nữa (trong Beethoven). Bạn phải ít nhất có thể như những thính giả trong một truyện ngắn của Somerset Maugham, khi nghe Bach cảm động thấy thanh âm gọi trong tưởng tượng của mình một cảnh mặt gò mọc ở thôn quê nước Hung gia-Lợi, và trong giác quan của mình lướt qua một làn gió mát rượi ! Muốn tới được năng lực thưởng thức ấy bạn phải quen nghe âm nhạc hiểu lời bí mật của thanh âm và có một tâm hồn nghệ sĩ.

Nhà phê bình, thiên chức là giảng giải, phân tích, làm cho rõ rệt các manh mối tư tưởng, tinh tinh, để rồi mà định giá những tư tưởng tinh tinh ấy, để mà khen, chê. Xét cái tài sáng tác của các tác giả cách diễn ý, phô tình, để mà khen, chê. Nhà phê bình là kẻ biết thâm mỹ hơn mọi người.

Nhưng trong khen, chê, ta thường phô diễn ra cái bản ngã của ta. Cùng đi xem một phim chiếu bóng, đến chỗ cảm động, người lau nước mắt, người đứng đưng, người cười. Cùng một bài thơ, người đọc say sưa, kẻ đọc lãnh đạm. Một nhà phê bình có thành kiến lằng mằng tất không ưa văn chương cổ điển. Sự công bình rất khó có trong nghệ thuật phê bình. (Xin đề ra ngoài bàn luận những kẻ gièm pha hoặc tâng bốc một cuốn sách vì thù hằn, vì tư lợi). Người ta có thể đi tới một công bình tương đối không thể tới được một công bình tuyệt đối. Ta không nói đến những tác phẩm tư tưởng hoặc nghệ thuật vụng về, ngớ ngẩn bị đào thải rất dễ dãi bởi thời gian. Ai tha thứ được một tư tưởng nông nổi hoặc sai lầm ? Ai dung được một nghệ thuật quá vụng dại ? Ta chỉ kể những tác phẩm có đôi chút giá trị. Phê bình nào có phải xét đoán theo một bộ luật định trước. Phê bình thường là phô bày những sở thích của mình, phô cái bản ngã của ta. Bây giờ ta hiểu hơn nữa tại sao phê bình là một nghệ thuật khó khăn. Nhạc sĩ cấu tạo một bài đàn để một chút tâm hồn mình vào đấy cũng tựa nhà thơ. Khi phê bình ta cũng đem tâm hồn ta ra phô bày với công chúng. Và nếu sự thực là như vậy thì tâm hồn nhà phê bình có đặc sắc nhường nào thì nghệ thuật phê bình của họ có giá trị ngần ấy. Remy de Gourmont đã viết : « Trái với dư luận thông thường, phê bình có lẽ là một loại văn có tính cách chủ quan hơn hết cả ; ấy là một lối tỏ niềm tâm tư của mình mà cứ tưởng rằng mình phân tích một tác phẩm của kẻ khác : chính mình lại phô mình lại dãi bày mình ra cho công chúng. Đó là duyên cớ tại sao khoa phê bình thường kém cỏi và không giữ nổi chú ý của ta, mặc dầu có khi nó bàn luận đến những vấn đề đáng làm ta say mê. Muốn trở nên một nhà phê bình có giá trị phải có một tư cách đặc biệt ». Một tư

(Xem tiếp trang sau)

cách đặc biệt để làm nhà phê bình ! Ta chẳng nên ngạc nhiên khi thấy các tài phê bình cũng hiếm như những tài thi sĩ. Vì những tâm hồn đặc sắc đâu có nhan nhản ở đời.



Vẫn chưa hết chuyện phê-bình. Làm việc trong một ngành nghệ thuật nào cũng phải có phương châm, có một vài quan niệm căn bản hướng dẫn. Nghệ thuật không phải là « ai làm gì thì làm », mà là một sự tu luyện. Xứ sở của nghệ thuật có rào rậu, có hầm hố phải tránh, có những non cao mà đệ tử cần phải chèo leo mỗi một đề tới đỉnh huy hoàng, có những suối trong thơm mát mà nghệ sĩ phải khó khăn dẹp lau vạch cỏ mới tìm thấy. Đứng trên cao nhầy xuống hồ bơi, có phải cứ gieo mình xuống là đẹp đâu, còn phải học kiêu uốn mình, nhào lộn. Nhà phê bình, như các nghệ sĩ khác, cũng cần phần học nghệ của mình, và quan niệm rõ những lệ luật của nghệ mình.

Gần đây, trong làng văn ta, trên một vài tờ báo có thấy dăng những bài phê bình văn học mà một vài tác giả hình như không hiểu nào là phê bình nữa ! Độc giả đọc họ có cảm giác rằng họ là những kẻ xưa nay chưa hề cầm bút hoặc đã cầm nhưng chưa hề phê bình và đọc phê bình. Ta không nói đến giá trị văn chương của những bài đó (nó chẳng to tát gì lắm), hãy bàn qua về phương pháp phê bình của các tác giả. Ông này thì nhằm lẫn nghệ thuật với luân lý, viết : « quyền sách này đọc được, vì không hại cho đạo đức ». Thực là lời của một ông cầm coi việc giữ thuần phong mỹ tục, chứ không phải lời của một nhà phê bình nghệ thuật. Khi nghe xong một bản đàn tuyệt diệu nhưng sâu thẳm của một nhạc sĩ (tôi trở lại nghệ thuật âm nhạc luôn vì nó là một nghệ thuật thuần túy bậc nhất) ta đừng có lớn tiếng nói : « Xoàng lắm vì nó buồn, làm người ta ủ rũ », mà người ta cười mình que mùa. Trước một đồng sách, nhà phê bình kỳ quặc ấy chọn lọc : « À đây truyện giai trung gái trinh, khá ; đây chuyện ái tình lãng mạn, hồng », Có biết đâu có những truyện tình lãng mạn bất tử và những sách đạo đức không ai buồn đọc. Đến nỗi một nhà xuất bản chất phác, động lòng, cuống quýt sợ sách bán không chạy phải quảng cáo rằng mỗi tiểu thuyết ông cho phát hành là « một bài luân-lý giải » ! Muốn chê bai sách họ chỉ cần vạch rõ cái « không nghệ thuật » của họ, làm chi phải long

trọng đứng trong lập trường đạo đức đề lên tiếng ? Vẫn biết phê bình một tác phẩm không bỏ hẳn ra bên được cái vấn đề luân lý của các nhân vật và của truyện, nhưng chỉ theo luân lý mà định giá các tác phẩm nghệ thuật thì thật là thất sách. Mạt sát những kẻ lấy văn chương làm bại hoại phong hóa là rất phải, nhưng đó lại là một truyện khác. Chớ quên rằng ở đây ta phê bình nghệ thuật.

Có người lại chỉ tóm tắt vụng về nội dung quyền sách, rồi nói bằng quơ mấy câu : « chỗ này quá đáng », « chỗ này sắc thực ». Có ông chỉ khen : « Lâm lý quá ? Thực là tuyệt ! » mà ông chẳng giải thích tinh vi cái « lâm lý » cái « tuyệt » ra cho ai thưởng thức cả. Tỉ như một thi sinh giả nhời viên khảo quan ở một kỳ thi hỏi về giá trị văn chương một bài thơ : « Văn bài này du dương lắm ạ ».

Hoặc lại có ông trong bài phê bình đề dành hai phần ba chỗ cho những đoạn văn trích trong những tác phẩm bị phê bình. Có ông đang phê bình gập một chuyện kỳ khôi tác giả kể, vội dừng lại khen chuyện ấy lý thú ! Phê bình một cuốn sách có kể đến người có một bệnh mà cứ say sưa khen ngợi tác giả tả các triệu chứng của bệnh ấy rất đúng. (Một bài phê bình (?) cuốn *Hàn Mạc Tử* của Trần thanh Mại trong một tờ báo Hà-Nội. Tác giả cuốn sách ấy có lẽ phải bực tức mà gắt rằng : « Còn nghệ thuật của tôi, tư tưởng của tôi ? »

Trừ một vài tác giả viết sách phê bình đã chứng tỏ đôi chút sự áp dụng một phương pháp rõ rệt trong nghệ thuật của họ, thì trên phần nhiều các báo chí, khoa phê bình văn học chưa thấy có chút gì xuất sắc, và chẳng theo một phương pháp nào cả. Nhà phê bình cũng cần phải chuyên nghiệp, như nhà làm thơ, nhà viết tiểu-thuyết. Có đâu xưa nay tôi vẫn là một người không biết văn chương là gì mà hôm nay tôi cao hứng vác bút phê bình văn học ? Tâm hồn nhà phê bình có giá trị ngần nào thì nghệ thuật của nhà phê bình đó có giá trị ngần ấy.

Đ. G. TRINH

Sẽ tiếp : *Một quan niệm về dịch thuật.*

**Thông hiểu sự vật
và tư tưởng...**

MỘT NƯỚC DÂN CHỦ « GIÀ » NHẤT ÂU CHÂU = NƯỚC THỤY-SĨ =

PHẠM TRINH CÁN

VỚI một diện-tích 41.000 cây số vuông và hơn 4 triệu dân, Thụy-sĩ là một nước nhỏ. Nhưng ta sẽ nhầm to nếu ta xét đoán Thụy-sĩ theo những con số đó, vì Thụy-sĩ là một nước giàu, có một lịch-sử vẻ vang, một tổ-chức chính trị vững vàng, một nền văn-minh rực rỡ.

I. Lịch-sử chính-trị Thụy-sĩ

Trong thời-dại Thượng-cổ, Thụy-sĩ gồm có những dân-tộc làm nhà ở trên mặt hồ. Về thế-kỷ thứ nhất đất Thụy-sĩ bị người La-mã xâm chiếm rồi cách đó ít lâu Thụy-sĩ thuộc quyền Hoàng-đế Charlemagne đô-hộ. Sau khi đế-quốc Charlemagne tan vỡ, Thụy-sĩ lại phải nội-thuộc nước Đức do Henri II cai trị (thế-kỷ thứ 11). Sang thế kỷ thứ 13, nước Áo trở nên một đế-quốc hùng cường, Áo - hoàng Rodolphe de Habsbourg chiếm gần hết Thụy-sĩ; từ đó, dưới nền quân-chủ độc-đoán của Áo-hoàng, quyền tự-do của dân chúng Áo và các thuộc-quốc bị đe dọa.

Năm 1291, ba quân ở Trung-Thụy-sĩ (quận Uri, quận Schwytz và quận Unterwalden) ký với nhau một hiệp ước liên-minh: hiệp ước đó là căn nguyên của Liên-bang Thụy-sĩ hiện thời. Lẽ cố nhiên là Áo-quốc không muốn thế, và chẳng bao lâu, năm 1315, một cuộc chiến-tranh nổi lên giữa Áo và Thụy-sĩ. Người ta ngạc nhiên mà thấy Thụy-sĩ thắng Áo, và sau khi thắng trận Thụy-sĩ sửa đổi lại hiệp-ước liên-minh trước đề cho 5 quận khác cùng vào: thế là từ đó có Liên-bang 8 quận.

Cuối thế kỷ thứ 15, Thụy-sĩ lại có chiến-tranh với Áo, lại thắng trận, lại thêm 5 quận nữa ký vào hiệp ước liên-minh, và Liên-bang 8 quận thành ra Liên-bang 13 quận. Nhưng sang thế kỷ thứ 16, nội-tình Thụy-sĩ rối ren vì cuộc Tôn-giáo cải-cách (Réforme): người theo đạo Tin-

lành đánh nhau với người theo đạo Gia-tô, rồi sau hồi nội-loạn đó, tự-do tín ngưỡng được công nhận, nhưng tôn giáo đã chia dân tộc Thụy-sĩ ra làm 2 đảng.

Đến cuối thế-kỷ thứ 18, phong trào cách-mệnh từ Pháp tràn sang, nội-tình Thụy-sĩ thật là rối loạn. Mãi đến khi Nã-phá-Luân can-thiệp vào, tình hình trong nước mới tạm yên, và sau khi Nã-phá-Luân thất-thế Thụy-sĩ đã là một Liên-bang 22 quận. Giữa thế-kỷ thứ 19, sau một hồi nội-loạn nữa, đảng Cấp-tiến nắm được chính-quyền, và Hiến-pháp 1848 ra đời: hiến pháp đó là nền tảng chế độ chính-trị của Thụy-sĩ.

II. Chế-độ chính-trị của Thụy-sĩ.

Theo Hiến-pháp 1848 (có sửa đổi nhiều lần, nhất là bởi Hiến-pháp 1874), Thụy-sĩ là một Liên-bang 25 quận (Bundesstaat) tổ-chức gần như Hoa-kỳ; trên là Liên-bang Thụy-sĩ (Confédération helvétique) có Hiến-pháp nhất định, dưới là các quận (cantons) có Hiến-pháp riêng.

a) *Hiến - pháp Liên - bang (Constitution fédérale)*. — Căn-bản của Hiến-pháp Thụy-sĩ là chế-độ phân-quyền (séparation des pouvoirs). quyền lập-pháp, quyền hành-pháp và quyền tư-pháp chia ra các cơ-quan khác nhau.

1.) Quyền lập-pháp (pouvoir législatif) thuộc về Liên-bang Hội-nghị (Assemblée fédérale) gồm có 2 viện: Quốc-dân hội-nghị (Conseil national) và Tiểu-bang hội-nghị (Conseil des Etats). Quốc-dân hội-nghị, do dân bầu lên (cứ 2 vạn người thì bầu 1 đại-biểu), là cơ-quan thay mặt dân toàn-quốc; Tiểu bang hội-nghị, do các quận bầu lên (mỗi quận bầu 2 đại biểu), là cơ-quan thay mặt các quận.

Tại sao lại 2 viện? Tục-lệ ở Thụy-sĩ là lập một viện thôi, nhưng năm 1848 khi người ta

· Ban Hiến-pháp và các quận đông dân yêu cầu rằng số đại-biểu nhiều hay ít tùy theo dân-số mỗi quận, các quận dân số ít yêu cầu rằng tất cả các quận cùng có một số đại biểu nhất định không kể dân số nhiều hay ít. Muốn dung hòa hai nguyện vọng đó ông Fazy ở Genève đề-nghị nên theo chế-độ đại-nghị thi hành bên Mỹ : đề nghị của ông được ưng chuẩn, và cách tổ-chức 2 viện bên Thụy-sĩ giống cách tổ-chức hai viện ở Hoa-Kỳ.

2.) Quyền hành-pháp (pouvoir exécutif), Hiến-pháp giao cho một cơ-quan gồm có 7 người, do Liên-bang hội nghị bầu lên. Cũng như các nghị-viên, 7 ông này cầm quyền chính trong 3 năm. Một trong 7 người được Liên bang hội nghị giao cho quyền Tổng-thống Liên-bang Thụy-sĩ. Tất cả 7 người đều phải thuộc về 7 quận khác nhau, chia nhau giữ các bộ, có quyền vào trong viện, có thể bị viện chất-vấn, có thể bị Liên-bang hội-nghị buộc tội, và đem xử ở tào-án Liên-bang.

3.) Tòa-án Liên-bang (Tribunal fédéral) giữ quyền tư-pháp. Cũng như những nhân-viên cơ quan hành-chính, nhân-viên tòa án cũng do Liên-bang hội-nghị bầu.

Gồm các cơ-quan lập-pháp, hành-pháp và tư-pháp kể trên Liên-bang được quyền quyết định tất cả các việc liên-can đến quyền lợi của Liên bang, còn các việc riêng của mọi quận đều do Hiến-pháp các quận định đoạt.

b) *Hiến-pháp các quận (Constitutions cantonales)*. — 25 quận của Liên-bang Thụy-sĩ đều được tự-trị và được hưởng tất cả các quyền mà Hiến-pháp Liên-bang không trao cho Liên-bang. Tất cả Hiến-pháp các quận đều phải tổ-chức các quận theo chính-thể dân-chủ cộng-hòa, phải do dân-chúng chuẩn y, và bất cứ lúc nào cũng có thể sửa đổi được nếu một số đông công-dân muốn thế.

c) *Một đặc-tính của chế-độ hiện hành ở Thụy-sĩ*, là dân chúng được rất rộng quyền, cả quyền lập-hiến lẫn quyền lập-pháp.

Trước hết, trong việc tổ-chức các quận, hiến-pháp các quận đều trọng quyền của dân họp thành các dân-chúng hội-nghị (Landsgemeinde), rồi tùy theo các quận, hoặc dân được quyền trực-tiếp bỏ phiếu đề chuẩn y các đạo luật và bầu một hội-đồng chính-phủ đề cai trị quận, hoặc dân bầu 2 hội-nghị lập-pháp và hành-pháp khác nhau. Về phương diện Liên-bang, dân-quyền lại càng rõ rệt: Bất cứ lúc nào cứ 50 000 công-dân đồng ý là có quyền đề-nghị

sửa đổi hiến pháp Liên-bang, và nếu Liên-bang hội-nghị muốn sửa đổi Hiến-pháp cũng phải đưa bản dự-án cho dân chúng tranh-luận và chuẩn y bất cứ một đạo luật nào cũng có thể đem cho dân chúng xem xét và chuẩn y, nếu trong 90 ngày sau khi công-bố 30.000 công-dân hoặc 8 quận muốn thế.

Thật hiện nay không có một nước nào trên thế giới dám đi xa vào con đường dân-chủ như Thụy-sĩ.

III. Những sự thay đổi trong nền chính-trị gần đây.

Đảng Cấp-tiến theo đạo Tin-lành lên cầm quyền từ lúc soạn Hiến-pháp 1848, là một đảng luôn luôn được đa-số. Từ 1848 trở đi, có vài chính-đảng khác muốn chống lại thế-lực đảng Cấp-tiến, nhất là đảng dân-chủ theo đạo Gia-tô Nội-tình Thụy-sĩ vì thế mà không được yên. Nhất là Thụy-sĩ lại là một nơi trú ẩn cho các nhà chính trị ngoại-quốc bị ngược đãi hoặc bị thất bại ở nước họ : những người Đức bị trục xuất năm 1849, những người Pháp bị trục xuất năm 1851, những người Ý bị đi đày, những nhà cách-mệnh không thành công đều chạy sang Thụy-sĩ. Chín ở đất Thụy-sĩ đảng Quốc-tế lao-động đã hội họp lần đầu, chính ở đất Thụy-sĩ đảng xã-hội Đức bị trục xuất đã dời tòa báo của họ sang. Vì thế mà nội-tình Thụy-sĩ về cuối thế-kỷ thứ 19 đã nhiều phen sôi nổi, vì thế mà ngoài 3 chính-đảng cấp-tiến và dân-chủ lại có thêm 2 đảng nữa : đảng xã-hội và đảng tự-do.

Bước sang thế-kỷ thứ 20, tình hình Thụy-sĩ cũng tương tự. Ảnh-hưởng cuộc Âu châu đại-chiến trước và cuộc hoàn-cầu chiến-tranh hiện thời, cố nhiên là làm cho ngoại-giao và nội-trị Thụy-sĩ thêm khó khăn. Nhưng về ngoại-giao năm 1914 cũng như năm 1940, Thụy-sĩ vẫn giao thiệp với các Cường-quốc như thường. Thụy-sĩ để cho trẻ em các nước sang lánh nạn, Thụy-sĩ trông nom binh lính Pháp bị thương cũng như binh lính Đức bị thương. Về nội tình ở Thụy-sĩ ngày nay có hai xu-hướng, một phái yêu-cầu cho Chánh-phủ được rộng quyền một phái vận động cho toàn-quyền về Nghị-viện. Nhưng các nhà cầm quyền hiện nay hình như theo đạo Trung-dung, không nghiêng về tả mà cũng không ngả về hữu. Và lại cả hai phái cùng chỉ yêu cầu sửa đổi Hiến-Pháp Liên-bang thôi chứ không ai yêu cầu sửa đổi Hiến-pháp các quận cả.

PHẠM TRINH CÁN

TRẠI THANH NIÊN TƯ'ƠNG-MAI

CHÚNG TÔI đã tới thăm Trại thanh-niên của anh em sinh-viên.

Chúng tôi đã thấy trước mắt một bọn thanh-niên, mình trần, đang mạnh mẽ và vui vẻ, đào sới, đắp, vác lên vai, dận bằng chân trên một khu đất thịt có chỗ nhẽo như bùn : họ đang dồn đê sây một thư viện và lấp một khu gần đây còn là một cái ao để lam sân vận động cho anh em dân quê. Những giọt mồ hôi long lanh trên những bộ mặt gân guốc và ửng đỏ, những vết bùn đã chẳng ra vì sức nóng của cơ thể vận động, dính trên những bộ căng rắn chắc lẫn lên vì bắp thịt căng thẳng là hình ảnh tươi đẹp của sự cần lao và phấn đấu.

Chúng tôi đã len vào giữa bọn dân quê kia đang xô nhau trong một gian đình trước một cái bàn giấy dân dị. Họ, đàn bà, đàn ông, trẻ con, ông già, mặt xanh nhợt hay vàng bủng, mắt toét và đầu lờ, sau khi biến tên vào sổ, lần lượt đi vào một căn buồng để những trang thanh-niên tươi cười và nhanh nhẹn khám xét, nghe ngực, bắt mạch rồi trích, dịt, băng, bó. Đây là phòng xem bệnh và cho thuốc của Trại thanh-niên, do các sinh-viên trong ban « Truyền bá tân-y-học » trông coi.

Chúng tôi đã dự buổi nói chuyện tổ chức ở một gian đình rộng mà một bên là chỗ nghỉ ngơi của thanh-niên trong trại với những hàng trống tre đặt bên cạnh những hòm và valy dùng làm bàn viết. Hơn hai trăm người quần vải áo nâu, từ bọn trai tráng đến những cụ già, râu tóc bạc phơ, chăm chú nghe và hưởng ứng bằng những gật đầu nho nhỏ, các bạn trẻ mới đang lần lượt nói chuyện thân mật về những vấn đề thiết thực : khai phục công quyền bỏ phân ruộng, vệ-sinh ở thôn quê...

Chúng tôi thấy rõ ràng : với tổ chức trại thanh-niên này, các sinh-viên muốn vừa tu luyện mình trong đời sống dân dị, cần lao và phấn đấu, vừa đem ứng dụng sở học để giúp ích anh em đồng ruộng, cải lớp quần chúng nghèo khổ và thấp kém.

Một hiện tượng không hay gì trong xã hội Việt-Nam làm quan tâm những người suy nghĩ : sự cách biệt giữa phái trí-thức và dân chúng, phần đông là dân quê. Đứng trước trại thanh-niên Tư-ơng-Mai, chúng tôi thấy một sự cố gắng của anh em sinh-viên là làm

liên lạc hai lớp người do bằng một môi giấy tương thân và tương tin

— Khi mọi đèn (lời ông Dương dức Hiền, « thủ-lĩnh » trại T. N. T. M.), chúng tôi cũng gặp sự ngờ vực của anh em dân quê. Nhưng sau 20 ngày sống chung voi nhau, sự nghi kỵ đã thay bằng mối thiện-cảm gần như tình thân ái.

Chúng tôi tin ngay nhờ ấy vì những việc đã được mục-kích. Và, hân hoan, chúng tôi từ già T. T. N. T. M. trong lòng hết sức khen ngợi sáng-kiến, chí hoạt-dộng, lòng tận tâm của các bạn Dương dức Hiền, Nguyễn sĩ Du, Vũ văn Cần, Nguyễn ngọc Minh, Nguyễn trịnh Cơ là những người đứng tổ chức trại thanh-niên này cùng hết thầy các bạn thanh-niên trong trại mà chúng tôi không được biết tên.

Có một điều hơi tiếc — sao lại không nói hết những cảm tưởng chân thực ? — là số anh em sinh-viên trong trại không được đông lắm như chúng tôi đã mong đợi. Có phải vì cho lập trại thiếu về ngoạn-mục ? Có phải vì nơi này gần cảnh phồn hoa quá, khiến những kẻ chưa quen sống một đời mộc mạc phải ngần ngại trước những ao tù, ngõ hẻm, nhưng âm thấp tối tăm khi mà những hình ảnh mỹ lệ hãy còn rõ ràng trong óc ?

V. H.

MỘT ĐIỀU HÁT CỔ VIỆT-NAM DỊU DÀNG
VÀ HỒN HẬU — MỘT LỜI CA CỔ VIỆT-
NAM MỘC MẠC VÀ NGHĨA LÝ — MỘT
TÍNH TÌNH « THƯ-SINH » CỦA THỜI
« BÚT NGHIÊN »

QUYẾT CHÍ TU THÂN

Bản thứ nhất của Lô Việt-Nam nhạc phổ
gồm toàn các điệu hát cổ Việt-Nam do
Nguyễn Xuân Khoát ghi chép rất công phu,

Giá 0p 40

Đã có bán tại các hiệu sách lớn.

Thư từ gửi về :
Nguyễn Xuân - Khoát
46, Richaud, Hanoi

CÁCH TỔ CHỨC VỆ-SINH TẠI ẤN-ĐỘ

VŨ VĂN CÂN

TRONG một số Thanh-Nghị tháng trước (1) nhân bản về vấn-đề vệ-sinh thôn quê ở xứ ta chúng tôi có nói qua đến mấy quan niệm về công cuộc tổ chức vệ-sinh và y-tế ở các nước miền Đông-Á — Xin nhắc lại mấy điều cốt yếu.

Cách tổ chức ấy theo ba quan-niệm : (2)

1. Quan niệm hợp nhất: thí-dụ Đông-dương và Thái-lan.

2. Quan niệm phân chia có các tỉnh Ấn-độ.

3. Quan niệm trung gian có Nam-dương quần đảo.

Muốn có một vài tài liệu để so sánh, xin lược khảo sau đây về cách tổ-chức vệ-sinh tại các tỉnh Ấn-độ.

Theo như trên đã nói và theo những tờ trình của các ban khảo cứu riêng về vấn-đề này tại hội quốc-liên (3) nền y-tế và vệ-sinh xứ này tổ chức theo quan-niệm phân chia nghĩa là từ phương-diện cai-trị, lý-tài cho tới phương-diện tổ-chức chuyên môn, hai ngành vệ-sinh và y-tế gần được hoàn-toàn độc lập — Nói gần được hoàn-toàn độc lập, là vì trong cái thang chức cai-trị thỉnh thoảng ta hãy còn thấy những mối giây liên-lạc giàng-buộc hai ngành; mục-dịch cốt để trước hết là điều khiển một cách hoàn bị nền vệ-sinh y-tế sau đề tỏ rằng hai vấn-đề này dù theo chính sách nào cũng vậy bao giờ vẫn có liên can mật thiết với

(1) Thanh Nghị số 13-14 ngày 16-6 và 16-7-42.

(2) Conférence inter gouvernementale des pays d'Orient sur l'hygiène rurale 1929.

(3) De l'organisation de l'hygiène dans l'Inde Britannique S D N C 691 Genève Août 1929.

nhau, và cách phân biệt trên kia chẳng qua ch đề cho ta biết đại cương của cách tổ chức vệ-sinh chứ thật ra không có căn cứ gì chắc chắn.

Lịch-sử công cuộc vệ-sinh tại Ấn-độ

Ta có thể chia làm hai thời-kỳ: Thời-kỳ thứ nhất vào cuối thế-kỷ thứ 19, thời-kỳ thứ hai bắt đầu từ đầu thế-kỷ này.

Trong thời-kỳ đầu tuy công cuộc đều hữu ích cả song không được liên-tiếp và được chính phủ và dân-chúng chú trọng. Đến năm 1896, một tai-nạn khủng-khiếp nổi lên làm chấn-động dư luận và thay đổi cả chính-sách của chính-phủ: bệnh dịch hạch thời-kỳ ở Bombay.

Từ trước đến nay dân vốn cồ hủ, vô học và lười không những lãnh đạm với tất cả công cuộc vệ-sinh mà họ cho là vô ích, mà còn tìm mọi cách dèm-pha, phá hủy. Tới khi bệnh dịch hạch nổi lên hoành hành, giết hại không biết bao nhiêu sinh mệnh lại thấy sức mạnh của bệnh kia một ngày một to, mà những phương cứu chữa thì vô hiệu, bấy giờ ai nấy đều tỉnh ngộ thấy công cuộc vệ-sinh là cần.

Dân cảm thấy sự cần có nhà cửa sạch sẽ, ăn uống vệ-sinh, rồi dần dà người nọ bắt chước người kia, trước còn là những người tri-thức, sau tới kẻ thường dân.

Cùng một nhịp chính phủ cũng tỉnh ngộ về nhiều phương-diện. Thấy cần phải tổ chức vệ-sinh một cách chu-đáo hơn. Trước kia tưởng rằng công việc này giao cho ai cũng được, nay mới hay rằng cần một cơ-quan chuyên môn có người chủ-chương, với các nhân viên thiện nghệ, có học thức, có kinh-nghiệm, làm việc có quy-cử, theo khoa học. Từ đó có những ban chuyên môn, những việc khảo cứu, những trường huấn luyện, cách tổ chức một ngày một chu-đáo.

Cách tổ-chức hiện thời

Hiện nay (1) đứng đầu tất cả nha Y-tế vệ-sinh Ấn-độ là v.ên chánh giám-đốc Y tế Ấn-độ (Directeur général de l'« Indian medical service »). Ông này chịu tất cả các trách nhiệm cai trị, lý-tài về Y-tế trước chính-phủ Ấn-độ. Và chỉ là cố vấn về vấn đề Y-tế mà thôi.

Dưới ông . ó :

1 viên phó giám đốc Y-tế Ấn-độ (sous directeur général de l'Indian médical service) chuyên giữ về ngạch Y-tế, giúp ông và

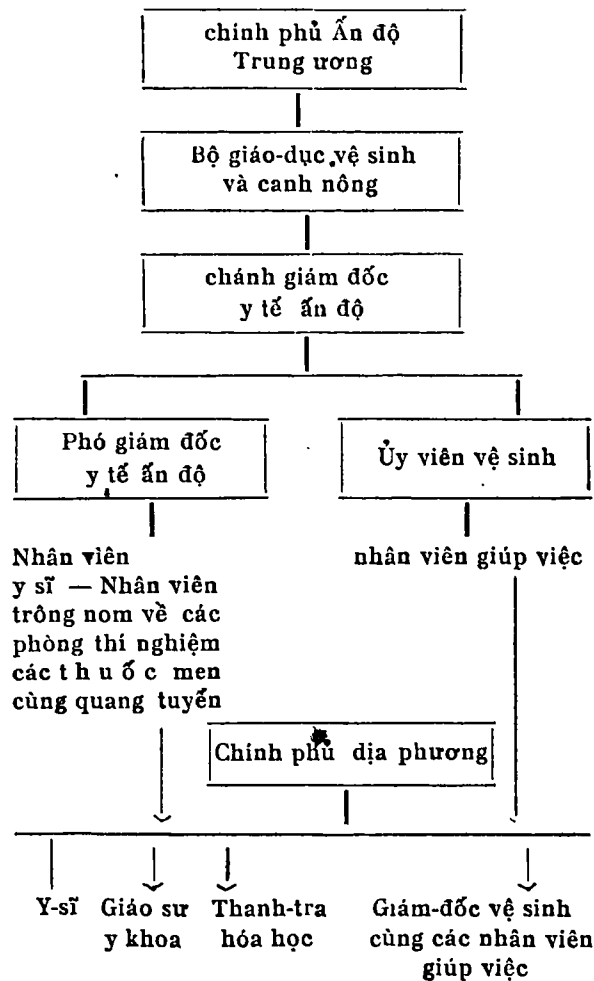
1 Ủy viên vệ sinh (commissaire d'hygiène publique) chuyên giữ về ngạch vệ sinh. Ông này được là cố vấn về các vấn đề vệ sinh cho chính-phủ

(1) Theo bản khảo của T. D. Graham, thượng ủy viên vệ-sinh của chính-phủ Ấn-độ năm 1927.

Ấn độ. Về các vấn đề chuyên môn của ông, ông trực tiếp với chính-phủ, duy về một vài phương diện cai trị (kỷ luật các nhân viên) là ông phải dưới quyền viên chánh giám đốc Y-tế Ấn-độ mà thôi.

Đó là nhân viên của chính phủ trung ương.

Tại mỗi tỉnh Ấn-độ lại có những nhân viên của chính-phủ địa phương. Muốn cho được rõ ràng sau đây xin lấy một vài tỉnh làm thí dụ và trước khi bàn đến hãy xin tóm tắt thang-chật cai-trị và cách tổ chức vệ sinh và Y-tế tại Ấn-độ như sau đây :



Tỉnh Madras

Công việc sắp đặt về vệ sinh là do quyền định-đoạt của ông giám đốc vệ-sinh. Về một vài phương-diện cai trị ông phải dưới quyền viên chánh y-sĩ giữ việc y tế toàn tỉnh.

Bốn ông phó giám đốc giúp việc trong có một ông phải giữ việc giáo khoa về vệ sinh tại trường Trung học Y-khoa tỉnh Madras.

Dưới nữa là các nhân-viên vệ-sinh.

Trước hết có những y-sĩ vệ-sinh (Médecin d'hygiène) những người nào hoặc làm ở các thành phố hoặc các quận-hạt (District).

Bất cứ ở đâu bổn phận của họ là :

Xem xét các bàn thống-kê chữa những chỗ sai-lầm sửa sang vấn-đề nước uống.

Thăm những nơi có xảy ra bệnh truyền-nhiễm kiểm-soát công việc của những người thừa-hành (nhưng không được quyền chữa bệnh như các y sĩ khác).

Ngoài những công việc ấy ra, nếu ở thành phố họ phải trông nom đường-xá, cống, rãnh, nhà ở, nơi giết súc-vật, các tiệm ăn và tham dự vào hội đồng thành phố.

Nếu ở các quận-hạt thì họ phải thu-xếp làm sao cho trong một năm họ đến thăm được một lượt tất các làng ở khu họ, và cứ mỗi tháng vào hôm 23 lại phải đưa lên hội đồng quận-hạt 1 bản kê tên các làng mình đi khám.

Dưới quyền các ông y-sĩ vệ sinh này có những thanh-tra vệ-sinh và những người đi tiêm phòng bệnh.

Hai hạng này là những người ở dưới cùng bậc thang phẩm-chật và là những người trực tiếp với dân chúng. Trước khi đi làm việc, họ phải theo một lớp huấn luyện tại trường trung học y khoa Madras. Công việc của các viên thanh tra vệ sinh là khám xét từng làng kê cứu sự khuyết điểm, tìm cách bổ cứu trong phạm vi vệ sinh và luôn luôn tìm hết cách truyền bá vệ sinh trong hạt.

Công cuộc truyền bá vệ-sinh ở Madras

Bất cứ ở đâu, ai cũng hiểu rằng sự giáo dục dân chúng về vệ sinh là nền tảng vững bền của tất cả mọi công cuộc vệ sinh và y tế. Vì thế cho nên việc truyền bá vệ sinh trong dân chúng là một vấn đề quan hệ được các chính-phủ săn sóc. Cũng như ở Nam-dương quần đảo, ở Ấn-độ người ta hết sức tìm mọi cách đem những điều thường thức về vệ sinh giầy bảo cho dân chúng. Cuộc tiến hóa trong công cuộc này tại tỉnh Madras có thể chia làm ba thời kỳ :

Trong một thời kỳ đầu (đầu năm 1923), công cuộc truyền bá vệ-sinh là do các cơ-quan của tu-gia. Thường họ tổ-chức những cuộc nói chuyện về vệ sinh, chiếu bóng, in báo chí, song vì mỗi cơ quan theo một khuynh hướng, rời rạc, cách tổ chức không có kết quả mỹ mãn, cho nên người ta đã liên kết lập thành một cơ quan độc nhất : Đó là thời kỳ thứ hai. Cơ quan này lấy tên là Hội vệ-sinh Madras (Société d'hygiène de Madras) được chính-phủ tư cấp và khuyến khích.

Từ tháng 4 năm 1923 đến tháng tư năm 1927 hội đã phát hành hàng vạn sách, tranh vẽ và kính chiếu bóng.

Về năm 1926 hội đã phát hành :

4.019 trang quảng cáo vệ sinh theo chín đầu đề khác nhau.

528.297 tờ truyền đơn nói về 24 vấn đề.

2800 kính chiếu bóng.

12 cái đèn chiếu bóng luôn luôn luân chuyển nơi này sang nơi khác.

Và 19 cái của 19 nơi nhất định do các tiểu ban mua.

Ngoài những cách ấy tại Ấn-độ hàng năm người ta có tổ chức những tuần lễ vệ-sinh và Bảo Anh toàn quốc National Health and Baby week. Cũng như hồi năm 1939 tại các tỉnh miền nam Trung-Hoa có tổ chức những « Tuần lễ Sái Lão » (semaine des balayages) (1) mục đích những tuần lễ ấy là khiến toàn quốc chú ý trong suốt một tuần lễ tới các vấn đề vệ sinh và suy nghĩ tới cái trách nhiệm nặng nề của từng người và bất cứ ai trong công cuộc vệ-sinh.

Tuần lễ tổ chức lần đầu tại Ấn-độ vào năm 1924 và từ đó cứ mỗi năm một lần trong toàn quốc tổ chức một lần.

Trong bốn năm trời công cuộc tiến hành rất mau chóng và nhờ sự nhiệt tâm của các nhân viên cùng sự tán thành của chính-phủ nên kết quả rất mỹ mãn.

Tuy vậy vì quỹ hội eo hẹp nên số tiền chợ cấp của chính-phủ địa phương một ngày một lớn ; và nhân viên của hội ít ỏi nên các công việc thật ra là do các nhân viên của nha vệ sinh nhà nước làm cả. Những lẽ đó đã bắt buộc chính-phủ địa phương Madras sát nhập hội vệ sinh kia vào nha Vệ-sinh. Thế là từ 1.4-1927 trong nha Vệ-sinh lại thêm một ban truyền bá vệ sinh do viên chánh giám-đốc vệ sinh Madras chủ chương. Đó là thời kỳ thứ ba.

Tỉnh De hi

Trong tỉnh Delhi, cách tổ chức cũng tương tự như vậy. Cũng có viên giám-đốc vệ sinh chủ chương. Về vệ sinh tỉnh Delhi chia làm 5 khu mỗi khu có một Y-sĩ vệ sinh và các nhân viên chuyên môn giúp việc. Ngay tại thành phố Delhi (một trong 5 khu) nhân viên chia làm nhiều hạng :

I. Nhân viên vệ sinh

- 2 người chánh thanh tra vệ sinh
- 6 người thanh tra vệ sinh luôn luôn đi lại khám xét
- 8 người thanh tra cộng rãnh
- 350 người quét đường
- 380 người quét cống
- 55 người giám thị
- 71 người quét chuồng tiêu
- 130 người ph

(1) Dix mois de mission Sanitaire dans le Sud de la Cochinchine. Losnet Revue d'hygiène et de Médecine préventive N° 8 1939-1940.

II Nhân viên giết chuột : 30 đội mỗi đội bốn người phu và một người cai.

III Nhân viên về việc hộ sinh và Bảo anh : do một bà « thầy thuốc » trông nom

IV Nhân viên giữ việc thống kê

V Nhân viên đi tiêm phòng bệnh chia làm 4 chạ

VI Nhân viên trông nom chợ

VII Nhân viên trông nom nhà sát sinh dưới quyền 1 viên thú y.

VIII Nhân viên tại các buồng giấy.

Trong các tỉnh khác đại cương cũng như hai tỉnh Madras và Delhi này. Theo như bản kê sau ta đủ rõ công cuộc vệ sinh y-tế quan hệ thế nào.

Ngân quỹ vào việc này trong các tỉnh Ấn-độ có tới đến 35 % của tổng ngân quỹ hàng tỉnh.

Năm 1925 (quỹ hàng tỉnh tiêu về vệ sinh) (2).

TỈNH	QUỸ TỈNH ROUPIES	QUỸ VỆ SINH ROUPIES.	/.
Delhi	24 89 945	13 74.949	55%.
Bengale	79 65.135	42 10.206	52%.
Madras	9 921.871	32 14.392	32%.
Bombay	22 283.289	81 58.769	36%.

Roupiés = 9 quan 30

Với một ngân quỹ ấy, với một cách tổ chức ấy với những nhân viên có huấn luyện chuyên môn công cuộc vệ sinh tại Ấn-độ trong ngót một thế kỷ đã tiến bộ một cách mỹ mãn và đã dần dần tạo cho dân Ấn một cuộc đời tốt đẹp, cuộc đời vệ sinh.

Mong sao ở xứ ta một ngày kia cũng được mục kích những các kết quả rực rỡ của các công cuộc vệ sinh, để cho dân chúng cũng được hưởng một cuộc đời khỏe mạnh như dân các xứ láng giềng.

Trong nước ai là người thức thời, kẻ hăng tâm, người hăng sản, ta nên cùng nhau hiệp lực tổ chức lại cuộc đời cho toàn dân còn đang u mê trong những tập quán cũ, những nền nếp xưa, như dân Ấn cổ hủ nhu nhược trước nạn thời khí dịch hạch năm 1896.

Nếu một ngày kia, ta có thể tổ chức được những tuần lễ vệ-sinh cho toàn quốc như ở Ấn-độ, Trung-hoa, và Nam-dương quần đảo, nếu một ngày kia mà toàn quốc đều thấy cái trách nhiệm nặng nề của từng người trong công việc này, tưởng cái ngày « Vui Khỏe » của toàn quốc cũng không xa. Mong lắm thay.

VŨ VĂN CẦN

Trong ban truyền bá Vệ-sinh và y-học của tổng hội sinh-viên trường Đại-học Hanoi.

(2) L'organisation de l'hygiène de l'Inde britannique S. D. N. page 17.

TỪ' ÁNH SÁNG ĐẾN KIÊN - TRÚC VẬT - CHẤT

NGUYỄN NHƯ KONTUM

(Tiếp theo bài « Những bước tiền bộ của khoa vật-lý-học ».)

III

ÁNH sáng từ mặt trời hoặc từ các sao-vi tinh-tú mà đến mắt ta, phải trải qua những khoảng trống bao-la, trong ấy tuyệt-nhiên không có một vật-chất gì. Vậy thì ánh sáng có thể xuyên qua những khoảng trống-không, và không phải như âm, thanh, cần có vật-chất rung-động. Kết quả là nhà khoa-học cần phải kê thêm ánh-sáng vào những đề-mục mình phải khảo-cứu riêng tách, vì nó là một thực-tại độc-lập hẳn với vật-chất.

Nhưng ánh-sáng là gì? Tại sao mắt ta nhận được ánh-sáng từ vật sáng chiếu đến ta? Các bậc hiền-triết đời xưa, ngay từ Lucrèce, đã cho rằng ánh-sáng gồm những viên nhỏ (vi phần-tử) rất nhỏ và rất nhanh nện, nguồn sáng phun ra tua tủa và đi thẳng từ đấy đến mắt ta, xuyên qua cả mắt ta, vào trong quang-tâm hợp lại thành một hình-dung giống hẳn hình-dung vật đã phát ánh-sáng ra, làm cho ta có cái tri-giác hình-dung vật ấy. Tốc-lực của vi-phần-tử, tức là tốc-lực của ánh-sáng, là 300.000 cây số trong một giây.

Thuyết ấy kể cũng ngộ-nghĩnh và có phần đúng, vì nó cũng giải được tại sao ánh-sáng đi đường thẳng vì đó là con đường dĩ-nhiên của vi-phần-tử, bị phun mạnh mà không bị sức gì cản trở. Ông Newton đã gia-công hoàn-hảo thuyết ấy và cũng đã giảng được trong thuyết ấy cái hiện-tượng phân-sắc mà cái cầu-vòng là một hình-trạng rất thường có.

Nhưng sau nhà vật-lý-học Anh Young và nhất là nhà bác-học Pháp Augustin Fresnel, thì người ta đã phải bài bỏ cái thuyết của Newton, vì hai ông Young và Fresnel đã phát minh và khảo kỹ về nhiều hiện-tượng như quang-tuyến giao-thoa và trùng-khuất-chiết mà thuyết trên không sao giải quyết được. Từ đấy mới phát-triển ra một thuyết mà trước kia nhà bác-học Hòa-Lan Huyghens đã từng đề-xuất nhưng không thành. Thuyết này luận rằng ánh-sáng là một sự rung-động của một chất vô-hình vô-ảnh đầy trong không-gian, chất ấy Fresnel đề-nghị gọi là « ê-te ». Cái rung-động của ê-te phát-sinh từ nguồn ánh-sáng và lan ra không-gian, cũng tựa hồ như làn sóng lan trên mặt nước êm-lặng của một hồ an-lĩnh, lúc chúng ta ném xuống một hòn đá nhỏ.

Thành thử ánh-sáng phải so với một làn-sóng, nghĩa là theo làn sóng lan ra, có những ngọn-sóng tuần-tự tiếp-tục nhau, cách nhau một khoảng đều tức là « chiều dài của làn-sóng ». Làn sóng ấy lan một cách rất mau chóng, mỗi giây đi được 300.000 cây số: ấy là tốc-lực của ánh-sáng. Vậy thì nếu không có vật gì cản trở, làn sóng sẽ đều đều mà lan ra, chỗ nào có làn sóng đến, là ê-te chỗ ấy rung động theo nhịp của làn sóng, thành ra có ánh-sáng. Con đường thẳng của quang tuyến, tức là con đường bán-kính của làn-sóng, đi từ nguồn sáng đến chỗ hưởng-thụ được ánh-sáng.

Nhưng đó là lúc làn-sóng ngang-nhiên đi trong ê-te, không bị vật gì cản trở. Nếu làn-sóng gặp phải một diện-mặt chiếu ánh-sáng trở lui, hoặc hơn nữa nếu gặp những lỗ hổng nhỏ phải chui qua, hoặc những trung-diềm nó tản-mạn ánh sáng ra, thì làn-sóng không giữ được nguyên-hình nữa. Làn sóng sẽ méo mó đi, cuốn lui lại, thành thử trong ê-te không còn một làn sóng như trước nữa, mà sẽ có rất nhiều làn sóng chồng chất lên nhau và cũng từ lỗ hổng, hoặc từ trung-diềm lan ra không-trung. Nếu chỗ nào, các làn-sóng ấy lan đến mà cùng một nhịp, thì tất cả hợp-sức lại để làm rung động ê-te ở chỗ ấy, thành chỗ ấy có ánh-sáng rực-rỡ. Trái lại, chỗ nào mà các làn-sóng lan đến mà sai nhịp, thì làn-sóng này hủy hoại làn sóng kia, kết quả ê-te ở chỗ ấy sẽ đứng im, chỗ ấy thành một chỗ tối. Thành ra trong không-gian, ánh-sáng không đều đều nữa, mà sẽ chỗ sáng chỗ tối theo một quy-luật phiến-phức, tuy khoa-học đã có thể giải-quyết được rất minh-bạch. Đó là hiện-tượng quang-tuyến giao-thoa, hoặc là hiện-tượng trùng-khuất-chiết mà hai nhà bác-học Young và Fresnel đã phát-minh ra và đã nhờ « thuyết sóng » thuyết minh ra một cách hoàn-toàn mãn-ý. Và cũng từ đấy « thuyết sóng » giải ánh-sáng bằng làn-sóng đã được toàn thể các nhà khoa-học chứng nhận hẳn hoi.

Muốn giải cái hiện-tượng phân-sắc, « thuyết sóng chỉ cần hiện rằng mỗi một màu ánh-sáng đối với một « chiều dài làn-sóng » khác nhau, thành thử trong các hiện-tượng xảy ra mà có quan hệ đến « chiều dài làn-sóng » thì tức nhiên ta thấy hiện ra những màu sắc xanh đỏ tím vàng. Và cũng nhờ đấy ta có thể đo lường được chiều dài của

làn-sóng Ta sẽ thấy rằng chiều dài ấy rất là nhỏ, từ 4 phần vạn, cho đến 8 phần vạn của một ly.

Nhưng cách đây độ 30 năm, người ta đã phát minh ra một hiện-tượng mà « thuyết sóng » không thể nào giảng giải được. Ấy là hiện-tượng điện-quang mà đại-dễ như thế này : lấy bất cứ một vật gì, thí dụ một vụn kim-khí, để trong một bầu hút sạch không-khí, rồi chiếu ánh-sáng vào vật ấy, thì ta thường thấy vật ấy phun ra rất nhiều điện-tử, tốc-lực của điện-tử ấy tùy theo « chiều dài làn-sóng » của ánh-sáng, nghĩa là tùy theo sắc màu của ánh-sáng, nhưng phần nhiều rất cao. Còn ánh-sáng nhiều hay ít, rực rỡ hay mờ, thì chỉ hạn định số điện-tử phun ra nhiều hay ít mà thôi, chứ không có ảnh hưởng gì đến tốc lực của điện-tử tất cả. Khảo xét kỹ hơn, người ta biết được rằng năng-lực của điện-tử, tức là sức của điện-tử, vì chạy nhanh mà có thể phát ra được động-lực, năng-lực ấy tỉ-lệ trái ngược lại với chiều dài làn sóng của ánh sáng chiếu vào. Giải quyết những vấn đề ấy, nhà thông-thái Đức Albert Einstein đã phải đề nghị rằng thuyết về ánh-sáng cần sửa chữa lại, và cần xem ánh-sáng như một mớ vi-phần-tử từ nguồn sáng bay lại. Nghĩa là, trong đại-cương, muốn giảng-giải hiện-tượng điện-quang, ta phải trở lại thuyết cũ về ánh-sáng, thuyết vi-phần-tử, vi-phần-tử ấy bây giờ người ta gọi là « phôtông ».

Thành ra, nhà vật-lý-học đã bị đưa ra trước một bước đường khó khăn, hai ngã không biết đi theo ngã nào : một bên thì « thuyết-sóng » giải được tất cả các hiện-tượng về ánh-sáng xuyên qua vật chất, quang-tuyến giao-thoa cùng với trùng-khuất-chiết ; một bên thì thuyết phôtông cũng giải được mấy hiện-tượng trên, trừ hai hiện-tượng giao-thoa và trùng-khuất-chiết, nhưng lại giải được hiện-tượng điện-quang theo giải-pháp của Einstein.

Muốn ra khỏi vòng khó khăn ấy, ông Louis de Broglie đã đề nghị phải xem hai thuyết sóng và phôtông như hai bề mặt gần như trái ngược của một thực sự là ánh-sáng. Ta cần phải sửa chữa tư-tưởng xưa mà coi luồng ánh-sáng như một đám phôtông phát ra từ nguồn sáng, đi thẳng theo con đường quang-tuyến, nhưng có hộ vệ theo một làn-sóng. Thành thử lúc nào có giao-hoán giữa vật-chất và ánh-sáng thì chúng ta phải coi như giao-hoán giữa vật-chất và mớ phôtông. Còn lúc nào muốn thuyết về chuyển động của đám phôtông thì chúng ta lại phải trở lại với làn sóng. Dung-hòa được cả hai thuyết, chúng ta mới có thể giảng

giải được tất cả các hiện tượng về ánh-sáng. Còn như muốn biết hai mặt vi-phần-tử và làn-sóng dung-hòa với nhau thế nào ở thực sự thì hiện nay ta phải tạm coi như không thể được. Kết cục thuyết của ông De Broglie đã cho ta biết rõ ràng làn-sóng và vi-phần-tử hình như mặt-thiết đan-diêu với nhau trong hiện-tượng mà ta thường gọi là ánh-sáng.

Nhưng ngoài phôtông ra, ta còn biết rất nhiều vi-phần-tử cũng rất nhỏ và rất nhanh nhẹn : như điện-tử chẳng hạn. Vậy thì đối với những vi-phần-tử ấy, chúng ta có thể đối diện một làn-sóng được chăng ? Thuyết của ông De Broglie đã đề xướng, và rất nhiều nhà thông-thái hưởng ứng, lấy tên là thuyết « ba-động cơ-giới học », trả lời rằng có và đã lường được chiều dài của làn-sóng đối diện. Và cũng từ đấy, người ta đã giảng được tại sao trong phân-tử của Bohr, điện-tử chỉ có thể « cử-động » theo những lối đã định, xê xích nhau một cách gián đoạn.

Hơn nữa, người ta đã có thể dùng điện-tử phát ra rất nhiều và rất mạnh, thực hành những thí-nghiệm về quang tuyến giao-thoa và trùng-khuất-chiết, giống hần như với ánh-sáng. Và những hiện-tượng ấy đã giúp cho ta lường được chiều dài làn-sóng và thấy rằng chiều dài ấy đúng với chiều dài mà thuyết ba-động cơ-giới-học đã định cho mớ điện-tử. Đây là những thí-nghiệm đẹp nhất hiện thời, do các ông Davisson và Germer thành tựu được trước nhất ở bên Mỹ, và nhiều người khảo-cứu khác đã làm lại được, như ông G. P. Thomson ở nước Anh và ông Ponté ở Pháp.

Do đó, ta phải tin chắc chắn rằng trong ánh-sáng cũng như trong vật-chất, vừa có cả vi-phần-tử, vừa có cả làn-sóng, hai bên mặt-thiết với nhau, đi đôi với nhau, mà sơ dĩ ta phải phân-tích ra là vì như thế để cho ta luận-thuyết mà thôi. Quan-niệm của ta về thực-tế nhờ đó đi gần lại chỗ nhất thống, giản dị biết bao nhiêu, mà cũng đẹp để biết bao nhiêu !

IV

Bây giờ chúng ta có thể đi xa hơn một bước về hiểu biết kiến-trúc của vật-chất. Như chương trước tôi đã nói, theo tư-tưởng hiện-hành thì nguyên-tử các chất đơn đều gồm có một cái nhân hay cồi chứa điện dương, chung quanh xoay vòng nhiều ít điện-tử, tức là những vi-phần-tử nhỏ và chứa toàn điện-âm. 92 nguyên-tử sơ dĩ phân biệt nhau chỉ vì số điện-tử xoay quanh, nhiều hay ít : từ 1 (khinh-khí H) cho đến 92 (U-ran), mỗi số nguyên N là có một nguyên-tử.

Đến bây giờ, thì chúng ta đã biết điện-tử là gì, nó là những vi-phần-tử rất nhẹ, và chứa một mớ điện âm rất ít, tuy rất lớn so với cân nặng. Vì thế có người đã xướng lên tư-tưởng rằng điện-tử hoàn toàn bằng điện, chứ không có một vật chất gì làm đôn giá.

Còn như cái nhân của nguyên-tử, thì đến đây ta chỉ biết rằng kích-thước rất nhỏ nhân mà lượng cân thì rất nặng, vì tất cả lượng cân của nguyên-tử có thể coi như tụ-tập ở nhân. Nhân chứa một mớ điện-dương bằng N mớ điện của một điện-tử, thành thử trong nguyên-tử, điện của mấy N điện-tử phản với mớ điện ở nhân nguyên-tử thành ra trung tính.

Đó là kiến-trúc của nguyên-tử ; và đến trình-độ này tưởng rằng Khoa-Học cũng khó mà đi xa hơn nữa trong sự hiểu biết sự-thực. Cứ lấy kích-thước của nguyên-tử mà xem, ta có thể nói rằng trong nguyên-tử, những chỗ để trống không kể xiết. Người ta có thể so nguyên-tử với một hệ sao, như nhật-hệ chẳng hạn : nhân là định sao, so với mặt trời, mà các điện-tử xoay vòng quanh là các hành-tinh. Như thế đủ rõ rằng nhân rất nhỏ đối với nguyên tử (nhỏ bằng 10.000 lần nguyên-tử).

Thế mà cách đây 30 năm, người ta đã bắt đầu khảo-cứu về kiến-trúc của nhân nguyên-tử. Ý-kiến ấy phát ra từ ngày Sir Rutherford nghiệm ra rằng nếu lấy quang-tuyến « an-pha » là thứ đạn rất mạnh, gồm bằng cồi hệ-liom phát từ radiom ra, đem đạn ấy bắn vào khí ni-trô, thì cồi ni-trô phải vỡ ra, biến thành 1 cồi hệ-liom và 1 cồi bo. Từ đấy lan rộng ra, cái ý nghĩ rằng cồi các nguyên tử không phải là đơn mà gồm có rất nhiều mảnh gồm lại. Trước kia người ta cũng đã biết một vài chất, mà radiom là một, có thể tự nhiên hủy hoại cồi mình, sinh ra 2 cồi khác nhẹ hơn, nhưng người ta vẫn định ninh rằng đó chỉ là tính cách đặc biệt của một vài nguyên-tử mà thôi, các nguyên-tử thuộc về loại radiom.

Bây giờ thì người ta tin rằng bất kỳ cồi nguyên-tử nào cũng kếp cả, vì gồm có nhiều mảnh. Và người ta mong rằng, bằng cách bắn vỡ cồi nguyên-tử ra, người ta có thể biết được tất cả phần-tử cấu-thành các cồi. Đó là mục đích của một môn khoa-học mới gọi là môn « Hóa-học phân nhân », xuất hiện từ năm 1911, năm ông Rutherford thực hành cuộc thí nghiệm vừa kể trên này, và trong hơn 30 năm trung mớ được biết bao môn đồ, và nảy nở ra biết bao kết quả. Một cơ hiện nhiên là hiện nay, mỗi đại-học-viện, dù ở Pháp, Anh, Đức

hay Mỹ, Nhật it ra cũng có một viện khảo-cứu về « Hóa-học phân nhân ». Vả mấy năm nay gần đây, hầu hết giải thưởng Nobel về Vật-hóa-học, là giải thưởng đệ nhất quan trọng ở hoàn cầu, thấy đều tặng cho các nhà khảo-cứu về Hóa-học phân nhân-từ hai vợ chồng Joliot-Curie cho đến Fermi.

Kết quả thì hiện giờ, nhà Khoa-học có thể nói chắc rằng cồi của các nguyên-tử đều cấu tạo bằng một vài vật liệu công cộng. Những vật liệu công cộng ấy, ban đầu, người ta tưởng là điện-tử và phôtông, tức là cồi nguyên-tử hydro (khinh-khí) vì người ta thấy trong nhiều cuộc-nguyên tử vỡ nổ, những mảnh văng ra có một phần là phôtông. Nhưng mới đây hơn mười năm, các nhà khảo-cứu Chadwick và Joliot-Curie, rồi đến Anderson, Blackett và Occhialini đã lần lượt phát minh ra hai thứ phân-tử mới, cũng xét được trong các cuộc vỡ nổ của các nguyên-tử : đó là « nơ-trông » và « điện-tử-dương ». Nơ-trông thì nặng gần bằng phôtông nhưng lại không chứa một thứ điện gì hết, vì vậy xuyên qua các vật-chất một cách dễ dàng nhanh chóng mà cũng vì thế, tuy xữ ra rất nhiều mà mãi đến sau này (1931) mới bộc lộ ra được. Còn điện-tử-dương thì là một phần-tử nặng gần bằng điện-tử của ta thường biết, nhưng lại chứa điện-dương, bằng hần mớ điện-âm của điện-tử thường hoặc điện-tử âm. Điện-tử dương hình như phải giữ một địa-vị quan-trọng trong các cuộc biến-hóa của cồi nguyên-tử.

Thành ra bây giờ, chúng ta đứng trước một vấn đề mới : cồi nguyên tử chắc là phải có điện-tử-âm, phôtông, nơ-trông và điện-tử-dương. Nhưng không có lẽ cả bốn phần-tử ấy đều là phần-tử đơn giản. Thế nào cũng chỉ có hai, ba thứ đơn mà thôi, còn các phần-tử khác phải là kếp mà cấu tạo bằng các thứ đơn ghép lại. Vấn đề ấy hiện nay còn trong thời kỳ khảo sát, các nhà khảo cứu vẫn còn lưu tâm tìm kiếm, chưa thể kết luận được chắc chắn.

Hơn nữa, gần đây một nhà khảo cứu Đông-Dương, ông Drouin hình như đã tìm ra được chứng cứ rằng chính điện-tử-âm cũng không phải là phần-tử đơn. Nhưng điều ấy nếu thật cũng cần phải kiểm chứng nhiều, mà bây giờ thì dường thông giao giữa các nhà khảo-cứu không còn nữa, việc ấy phải đề lâu mới thành được. Nếu đúng thì điều ấy sẽ xu hướng « hóa-học phân nhân » về một con đường mới mà chúng ta cũng khó lòng đoán trước được những bước đi, nói gì đến đích sẽ tới,

(Xem tiếp trang 24)

NHỮNG NGUYÊN-NHÂN

II. Biến đổi trong sự nhu-cầu.

Nếu hàng hóa cung cấp trên thị-trường giảm bớt đi là một nguyên nhân sự tăng giá, thì sự nhu-cầu của khách hàng tăng lên cũng là một nguyên nhân quan trọng. Người ta nhận thấy rằng sự nhu-cầu ở Đông-dương tăng lên rất mạnh, vì nhiều lẽ.

Những nước trép Thái-bình-dương, nhất là Nhật-bản sau mấy hiệp ước Đông-kinh, cần mua rất nhiều hàng xuất sản ở xứ này như gạo, ngô, cao-su, khoáng chất. Những nhà xuất cảng tìm mua bằng giá thực cao chất kém, wolfram... Giá ngô năm 1940 chỉ có 6p.30 một tạ vì ít người mua, đến tháng Octobre 1941 đã lên 10p. một tạ vì người ta hỏi mua rất nhiều. Còn giá gạo cũng tăng cao, phần vì, sau mấy hiệp ước, Nhật-bản cần mua tới 700.000 tấn, phần vì những nhà máy rượu cũng dùng đến gạo càng ngày càng mạnh....

Một lẽ nữa, những nhà tiêu thụ hay xuất sản Đông-dương, vì nguyên liệu, thực phẩm hay tạo phẩm nhập cảng ít đi, nên phải tìm trong xứ những hàng bù vào đó. Như những chất dầu nội-hóa chẳng hạn, cần để thay hàng dầu-mỡ nhập cảng :

Năm 1939

- dầu dừa : 28p.40 một tạ
- dầu lạc đã lọc : 44p.80 —
- thầu dầu : 52p.20 —

Năm 1941

- dầu dừa : 95p.00 một tạ (Novembre)
- dầu lạc đã lọc : 130p.00 — (Juillet)
- thầu dầu : 110p.00 — (Novembre)

Trong khi đó, người ta lại phải tìm kiếm vật liệu, nguyên-liệu để đặt ra trong xứ những tiểu kỹ-nghệ cần phải chế tạo để thường dùng không nhập cảng được nữa.

Một lẽ thứ ba là sự nảy nở ra một hạng người tiêu thụ mới (tuy rằng số đó còn ít so với số dân chúng, nhưng họ giữ một địa vị quan trọng trong thị-trường của vài thứ hàng). Đó là những nhà trung và tiểu thương-mại và xuất sản, hay tất cả những người có dính dáng đến công việc kinh doanh, giao dịch hiện thời ; năng lực mua hàng (pouvoir d'achat) của họ tăng lên vì lợi tức họ tăng theo nhịp với công việc của họ. Ta có thể căn cứ vào bảng thống-kê số thu hoạch của vài thứ thuế như thuế hoa lợi về kỹ-nghệ và thương mại hay thuế toàn thể lợi tức, mà biết được : (Septembre 1941)

	Thuế hoa lợi kỹ-nghệ và thương-mại		Thuế lợi tức	
	Số dự tính có thể được	Số thu hoạch	Dự tính có thể được	Số thu hoạch
Nam-kỳ	3.200.000 \$	5.000.000 \$	925.000 \$	1.300.000 \$
Trung-kỳ	10.000 \$	236.000 \$	30.000 \$	50.000 \$
Bắc-kỳ	1.000.000 \$	1.600.000 \$	165.000 \$	500.000 \$
Cao-mén	500.000 \$	1.300.000 \$	35.000 \$	50.000 \$

Còn một lẽ nữa quan trọng vô cùng, có ảnh hưởng lớn tới sự nhu cầu hàng hóa, là sự đầu cơ và tích trữ hàng. Ta phải nhận thấy rằng dân Đông-dương có « thiên tài » về khoa đầu cơ. Từ mụ hàng bán vật, vốn liếng chừng răm đồng bạc, cho đến những tay đại-thương, ta, tàu, đua nhau đầu cơ. Tất cả, họ tin rằng, ngày hôm nay mua một thứ hàng gì để tích trữ trong một, hai hay ba tháng, là hầu như chắc chắn sẽ được lãi to. Và như thế, mặc dầu những sự cấm đoán, mặc dầu những hình luật nghiêm khắc, cái nguyên nhân đầu cơ vẫn là quan trọng vô cùng của sự tăng giá hiện thời.

Nhưng ta lại phải nhận rằng bên cạnh những người xưa nay vẫn buôn bán, đầu cơ lại còn

SỰ TĂNG GIÁ HÀNG HÓA

ĐỖ ĐỨC-DỤC

những người thường chẳng buôn bán bao giờ, vì thấy lời to, nóng mắt cũng đổ xô đi buôn, nhất nhạnh bất cứ hàng gì. Mà nếu họ không mua để bán lại thì họ cũng tích trữ để phòng xa về sự nhu cầu trong gia-đình. Ta thường thấy mấy bà nội-trợ, có tiền là mua trữ dùng trong hai, ba tháng, có khi hơn nữa, những thức cần yếu như gạo, đường, bột, lạp sườn, đồ hộp, v. v... Một cuộc điều tra ở những nhà bán thực phẩm đã chứng thực điều đó. Chỉ một tin về tình hình quốc-tế thay đổi hay một lời phao đồn viên vông, có khi nực cười, là người ta đổ xô đến những hàng đó, tấp nập quá sức tưởng tượng, và hỏi mua nhiều đến vô lý những thức nhật dụng. Về mấy tháng cuối năm 1941, giữa lúc tình hình giao thiệp Nhật-Mỹ gay go, số hàng cần thiết bán nhiều gấp ba gấp tư lúc bình thường. Tuy nhiên nếu ít lâu sau người ta đem những hàng tích-trữ đó ra dùng hay bán thì sự nhu-cầu cũng bớt đi, hay số hàng cung cấp cũng tăng lên đôi chút.

Riêng một thí-dụ về đường tây có tính cách đặc biệt, và cho ta biết cách thức cấu-tạo của sự nhu-cầu vài thứ hàng tiêu thụ mạnh ở Đông-dương. Ta không nói đến số đường-tây nhập cảng sắp xỉ ngang số đường-tây xuất cảng, — và cũng không là mấy —, thì ba nhà máy làm đường ở Đông-dương xuất sản đủ để cung cấp sự tiêu thụ bình thường trong xứ. Nên biết ngoài ra còn có đường-ta đồ của người mình xuất sản, số đường đó thừa đủ để dân quê dùng. Ấy thế mà hai năm, 1940 và 1941, cứ từ tháng Aoút dờ đi thị-trường Hà-Nội và Saigon vẫn thiếu đường-tây bán (năm nay, 1942, ta thấy sự thiếu đường đã bắt đầu từ cuối tháng juin). Nguyên nhân không phải vì sự cung cấp kém đi, (trái lại : năm 1939 xuất

sản 18.445 tấn, năm 1940 tới 19.868 tấn, năm 1941 tới 20.372 tấn và năm 1942 dự tính tới 23.900 tấn), mà tại sự nhu-cầu tăng lên vô cùng. Tỉ như thị-trường Hà-nội, năm 1940, bán 2.980 tấn đường, thế mà năm 1941 mới từ tháng janvier đến cuối juillet đã bán tới 2.735 tấn (năm 1940 cũng thời gian đó chỉ bán có 1.700 tấn). Mà nếu sự nhu-cầu tăng lên, thì cũng không ngoài mấy lẽ kể trên. Trước hết một số người mới giàu lên, hay lợi tức khá hơn trước nhập vào số người tiêu thụ đường tây. Và chẳng giá đường đồ vì không có luật hạn định nên tăng lên ngang, có khi hơn giá đường trắng ; thành ra người ta trung mua đường này hơn. Một lẽ nữa, sự tích trữ của những nhà thương đề dùng và sự tích trữ của những nhà buôn đề đầu cơ hay đề phòng lực thiếu bán.

Nói tóm lại vì những lẽ đó mà sự thăng bằng mất đi, số hàng cung cấp kém hẳn số hàng cầu mua. Giá hàng tăng lên là lẽ tất nhiên.

Ở trên ta nói về sự cung-cấp và nhu-cầu sản vật, nay ta cũng cần nói đến sự cung cấp và nhu-cầu nhân công vì, tôi đã nói ở trên, nhân-công cũng là một thứ hàng-hóa với thị trường của nó. Tuy-nhiên đây ta chỉ có thể nói sơ-lược, gọi là đề chỉ dẫn, vì thị-trường nhân-công ở đây rất phức-tạp và phân-biệt ra nhiều hạng.

Riêng về nhân công ở những xưởng kỹ-nghệ hay những mỏ thì số thợ thuyền tìm việc kém đi nếu mực sinh-hoạt của họ và giá thóc gạo tăng lên. Ta không lạ gì, khi giá sinh hoạt cao lên 120 % (từ 1937 đến 1941), mà tiền công của họ chỉ tăng lên 35 % ; lẽ tất-nhiên họ bỏ nhà máy quay về vườn-ruộng, giống rọt trên mảnh đất nhỏ của họ hay đi thuê, cũng đủ ăn và nuôi sống gia-đình.

Ở ĐÔNG-DƯƠNG TỰ

HỒI CÓ CHIẾN-TRANH

DANH VĂN NGOẠI QUỐC

LÌA QUÊ HƯƠNG hay là BỊ NHỎ RẼ

TA sinh ở một nơi, có nên cứ bám chặt lấy nơi ấy, để sống cả đời ta ở đó, như cây kia từ ngày còn là cái hạt dâm mầm dưới đất đến khi sinh hoa quả vẫn ở một chỗ? Hay là ta nên lìa quê hương để đi sống ở chốn khác?

MAURICE BARRÈS trong cuốn « *Les déracinés* ». (Những kẻ bị nhỏ rẽ), chứng rằng bỏ nơi chôn rau cắt rốn đi nơi khác sống chỉ có hại cho mình, về vật-chất cũng như về tinh thần, nhất là về tinh-thần. Đời của những chàng trai xứ Lorraine bỏ xứ sở tới Paris ở chỉ là một nhăm lẫn lớn. Barrès so sánh người ta với thảo-mộc. Lớn lên ở chỗ nó nảy mầm thì cây khỏe mạnh tốt tươi bao nhiêu. Nếu nhỏ nó đem giồng chỗ khác nó sẽ tàn héo dần đi.

ANDRÉ GIDE công kích cái thuyết ấy và quả quyết rằng những người có sức mạnh tinh thần cần phải lìa quê hương để sống ở một chỗ khác nơi mình sinh đẻ. Đề giả nhời Barrès khi ông ta viện chứng ở sự sinh hoạt của cây cối, Gide cũng dẫn lại rằng nếu có cây cối bị héo chết khi bị đánh giồng nơi khác, thì trái lại có nhiều cây đánh đi chỗ khác giồng lại to lớn khỏe mạnh. Phần nhiều cây lớn đã được ươm ở các vườn gây (pépinière), sau mới đem đi giồng nơi khác (cây cối ở các phố xá thành thị, ở các công viên...). Ta có thể thêm vào một thí dụ: nhỏ mạ cấy lúa chả là làm bạt rẽ là gì?

Theo Gide, sự « bị nhỏ rẽ » không có hại cho cá nhân, nó chẳng phải là một hiện tượng đáng làm ta lo ngại. Học vấn chả là đã làm ta « bị nhỏ rẽ đặng đâu » ư? Ta đọc sách, ta học: bao nhiêu ý tưởng xa lạ đến chiếm chỗ trong đầu ta, phỏng ta có còn giữ mãi mãi được thuần túy những căn bản tình cảm tư tưởng của nơi ta sinh không? Hay là trong tinh thần ta đã chu du đi nhiều thế giới khác, ta đã lìa quê hương, ta đã bị nhỏ rẽ hơn một lần?

Gide kết luận: Kẻ yếu cứ việc bám chặt lấy nơi chôn rau cắt rốn, kẻ mạnh (mạnh về tinh thần) sẽ lìa chốn ấy để cho mạnh thêm, sống rộng rãi và phong phú hơn lên.

Sau đây xin trích một đoạn văn của André Gide về vấn-đề ấy:

Bị nhỏ rẽ

Kẻ nào càng yếu thì càng khó thay đổi và khó tiến-hóa tới hoàn thiện được, càng ghê sợ sự lạ lùng, sự biến thiên; bởi vì một tư-tưởng mới rất nhẹ nhàng, một sự thay đổi chế độ rất nhỏ đôi ở họ một đức tính, một sự cố gắng để thích nghi mà thường họ không thể có nổi.

Nhưng thế nghĩa là gì? Há chẳng phải nghĩa là họ yếu quá? Ờ! Mặc kệ! Để rẽ họ ăn sâu xuống và như thế lại tốt cho họ.

Nhưng ta cũng đừng nên tìm cách dạy cho họ có học-vấn. Học vấn là một sự bất rẽ đặng đâu.

Kẻ nào càng yếu càng không chịu được sự thái-thai học vấn. Chẳng phải vì thế sao mà các ngài đã thường bảo: « Nhiều đàn bà con trẻ chỉ biết một phong cảnh độc nhất? », Các ngài nên diễn ý ấy như sau đây: Học vấn chỉ tốt đối với những người khỏe. Hãy chăm nom cho người yếu, hãy che chở họ, nhưng, — thương chúng tôi với! — các ngài chớ đem luật lệ chúng tôi bắt họ phải theo.

Học vấn, một sự bồi bổ bằng những nguyên tố khác lạ, chỉ có thể tốt đối với kẻ nào tìm thấy ở nơi họ có đủ cái gì để đối đáp lại. Cái gì mà anh không thẳng phục nỗi nọ sẽ đè nén anh! Học vấn áp bức làm bối rối kẻ yếu. Phải, nhưng người khỏe lại thêm sức lực.

Vậy nếu ta chỉ phải nghĩ đến hạnh phúc của đa số thì tôi đồng ý nhận rằng nếu cứ không sẽ dịch thì sẽ đoạt được hạnh phúc ấy chẳng phải cố gắng khó nhọc gì. Nhưng sao ta lại chẳng hài lòng khi thấy một người đòi ở họ tất cả giá trị mà họ có thể biểu dương được?

Trong sung sướng, êm ấm, các đức tính bị rũ héo; những con đường mới, khắc khổ lôi kéo gọi chúng giậy. Tôi yêu (xin các bạn tha lỗi) tất cả cái gì bắt người ta phải chọn ở hai đường; Chết hoặc Sống oanh liệt.

(Xem tiếp trang 20)

hoa-lợi buôn bán của người ngoài về nước họ không thể được nữa. Chỉ vì những phương-tiện chi-phó, chỉ vì tiền ở trong tay dân chúng Đông dương nhiều ra, cuối năm 1941 gấp đôi năm 1939, trong khi số hàng hóa giao-dịch kém hẳn đi, nên hàng hóa tăng giá là sự dĩ nhiên.

B — Số tiền bạc tăng lên đã đành, cả tốc-lực lưu hành của tiền-bạc cũng tăng cho nên giá hàng càng thêm cao.

Bình thường dân chúng tin-nhiệm ở giá-trị tiền-bạc thì hay dễ dành, bỏ tù hay đem chôn, bằng tiền bạc. Như thế tiền bạc lưu-hành chậm, số-lượng kém đi, giá hàng hóa hạ. Nhưng nếu dân chúng ai có tiền trong tay cũng mau mau tìm cách « tống khứ » đi bằng cách mua hàng thật nhiều nhất, là những đồ vàng bạc châu báu nhà cửa đất cát; như thế tốc-lực lưu-hành của tiền mạnh lên vô cùng, số tiền cũng như nhiều ra, sự nhu-cầu hàng-hóa tăng lên, và tất nhiên giá hàng cao vọt lên.

Người ta xét ra rằng tự mấy tháng cuối năm 1941 đến giờ (trước đó ít lâu cũng đã có nhưng chưa mạnh) dân chúng Đông-dương không lưu trữ tiền-bạc nữa, ai cũng dễ dành bằng cách tích trữ hàng-hóa, mua rất nhiều những vật quý-giá hoặc tậu đất làm nhà đất mấy cũng không quản. Số hàng quý-giá bán đi, số thu hoạch của thuế nhà đất di-chuyển chứng thực tình trạng đó.

Năm 1939, thu được 268.152\$74 về thuế đó.
1940 396.503,31
1941 (6 tháng đầu) 266.134, 59

Người ta tính ra số nhà mới làm ở Hà-Nội tự 203 nóc, năm 1940, tăng lên 309 nóc, năm 1941.

Kết luận

Bao nhiêu yếu-tố có ảnh-hưởng tới giá hàng trong mấy năm nay, đã nhất-tề đưa giá hàng Đông dương tới một mực cao

Tuy-nhiên ta phải nhận rằng trong những nguyên-nhân sự tăng-giá trên đây, nguyên-nhân về tâm-lý chiếm phần trọng yếu. Số tiền bạc tăng lên là một cơ chắc chắn nhưng ít phần quan trọng, Số hàng-hóa dần-dà kém đi là một cơ khẩn-yếu.

ĐỖ ĐỨC DỤC.

GIÁ HÀNG HÓA Ở ĐÔNG DƯƠNG

Nói về sự cần-dùng thợ-thuyền ở các sông và nhà máy thì ta nhận ra hai thời-kỳ. Từ ngày có chiến-tranh cho đến tam-cá-nguyệt thứ ba năm 1941, vì máy hãng phải xuất-sản nhiều hơn nên cần lấy thêm thợ. Trái lại từ nửa năm 1941 về sau dờ đi, từ lúc bắt đầu có chiến tranh trên Thái-bình-dương, thì số thợ thuyền cần đến lại rút đi, thợ bản-xứ cũng như thợ người Âu.

Tuy-nhiên tính-thế đó cũng chỉ quan-hệ về phương-diện chính trị và xã-hội; về phương diện kinh-tế thì vì số thợ đông-dương. chừng hai-mươi vạn, hãy còn ít, nên dù sức mua hàng của họ có tăng lên hay kém đi cũng không ảnh-hưởng đến sự nhu-cầu hàng cho lắm, trừ vài thị-trường địa-phương như Nam-Định, Hải Phòng, Vinh, là những nơi nhiều thợ.

III. Tình hình tiền-tệ.

Về phương-diện tiền-tệ ta phải xét đến số-lượng tiền-bạc lưu hành và những cách chi phó thay tiền bạc trong phần thứ nhất, và một phần thứ hai sẽ nói đến tốc-lực lưu-hành của hai thứ đó.

A — Từ năm 1939 người ta nhận thấy số tiền bạc và những cách chi-phó khác lưu hành trong nước tăng lên làm cho giá hàng-hóa tăng theo. Số trữ-kim (encaisse métallique) của nhà Đông Pháp ngân hàng nhiều ra và như thế tiền giấy phát-hành càng thêm lên. Gia-dĩ số hoạt-kỳ tồn-khoản (comptes courants) cũng tăng.

Từ năm 1913 đến giờ bản đối-chiếu về giao dịch (balance commerciale) của xứ Đông-pháp vẫn được thuận-lợi. Năm 1923 số tiền hàng nhập-cảng và xuất cảng được quân-binh. Chỉ một năm 1931 là có sự thiếu hụt, nhập-cảng nhiều hơn xuất-cảng tới 170 triệu bạc. Còn những năm sau thì xuất-cảng dần dà nhiều hơn nhập-cảng.

năm 1939 số dư thặng là 111.000.000\$
1940 191.000.000.
1941 (10 tháng đầu) 98.979.000.

Đến nay sự nhập cảng kém hẳn đi, sự buôn bán của Đông-dương hầu-như chỉ có một chiều thì sự chi phí ra xứ ngoài gần như không có gì. Sự tiêu pha về chính-trị sang Pháp cũng không. Sự đặt tiền lấy lợi ra ngoại quốc hay sang Pháp những sự chuyển dịch tiền dễ dành được hay

NHỮNG NGUYÊN NHÂN SỰ TĂNG

Lược khảo tiểu thuyết Tàu

(Tiếp theo)

Cuối đời Lê, vào hồi đầu thế kỷ thứ 18 lại thấy có một loại lịch-sử tiểu-thuyết theo lối chép từng hồi, từng chương; như các bộ *Hoàng Lê nhất thống chí* hay *An-nam nhất thống chí* của cụ Ngô Thi-Chí. Truyện này chép các truyện trong điện phủ vua Lê chúa Trịnh hồi Lê Mạc. Bộ *Hoàng-Việt long hưng* của Lê Văn-Tuân, bộ *Việc nam khai quốc chí truyện*, của Bàng-trung-hầu Nguyễn Khoa chiêm, v. v... đều chép truyện đức Gia-

Long khai quốc cùng các sự tích các chúa Nguyễn. Sau các bộ ấy, có bộ *Hoàng Việt xuân thu* hay *Việt-Nam xuân thu* chép truyện vua Lê bình nhà Minh có cụ Nguyễn Trãi cùng các danh-thần phò tá.

Đó là các truyện có tiếng ai cũng biết, kỳ thực còn nhiều truyện nữa, nếu kể cả ra đây sợ dờm quá. Nhưng các truyện ấy đều bằng chữ nho cả. Ngoài ra còn có các truyện viết bằng tiếng Việt nam ta truyện *Trình tử* viết vào cuối đời Trần, truyện *Ché cóc*, truyện *Chàng Chuối*, truyện *Chùa Thao*, viết vào hồi Lê Mạc, truyện *Lưu-Binh Dương-Lễ*, truyện *Chu-Mãi-Thần* v. v... Thứ chỉ đến các truyện nôm văn vẫn định ở các truyện Tàu ra, *Kim-Vân-Kiều Nhị Độ-Mai*, *Ngọc Kiều-Lê*, v. v... đều là những truyện rất lưu lan khắp mọi nơi mà đều ngụ ý huấn giới: trung, hiếu, tiết nghĩa, lễ, nghĩa liêm, sĩ, cả. Riêng về các tiểu thuyết ta cần còn khảo cứu kỹ-càng hậu hồi phân giải thì mới thật có bổ ích cho văn-học-sử Việt-nam nhà.

9 — Kết luận

Những điều chúng tôi vừa nói qua trên đây phần nhiều là trích ở các sách có xem qua đọc qua rồi mới dám dịch ra, nói ra, chắc thế nào cũng còn nhầm-lan nhiều, nhưng những cái nhầm lan ấy hoặc là hiểu sai hay hiểu theo ý riêng, chứ không giám lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia, xin thức-giả lượng cho. Vấn-đề tiểu-

thuyết đối với xã-hội Việt-nam ta hiện thời, thật chưa có gì là cần thiết. Như chúng tôi đã nói ở trên cái ích-lợi thì ít mà cái họa-hại có lẽ nhiều. Lợi hay hại là do ở người đọc tiểu-thuyết, do ở tiểu-thuyết người ta đọc. Nhưng như chúng tôi đã khảo-sát qua về tiểu-thuyết Tàu và phụ thêm tiểu thuyết của các cụ ta xưa thì những tiểu-thuyết ấy phần nhiều là có thâm ý khuyến miên người ta cả, hoặc là trung, hiếu tiết, nghĩa, hoặc là mãnh miến tinh tiến, hoặc là lễ, nghĩa, liêm, sĩ, cho đến cả các truyện anh hùng, hào-kiệt, trừ phiến-não, cầu giải-thoát khiến người đời ai cũng nên hơn-hở vui-vẻ và trăm chỉ việc làm. Không kể rằng những điều lược xét đó có thể dùng làm tài-liệu cho môn văn-học Việt-nam mình sau này thực ra không dám quá xa-vọng đến bộ sử Văn-học Việt-nam. — Những tài-liệu ấy có thể giúp ích cho ta về môn xã-hội học cho đến cả sử-học nữa. Tiểu-thuyết vốn là những truyện bâng-quơ, nhưng nếu ta biết khéo dùng những cái bâng-quơ ấy mà so-sánh khảo-sát với các chính-sử thì ta thấy cũng có ích lắm vậy.

Và lại chúng tôi sở dĩ muốn khảo về tiểu-thuyết mà khảo thật cặn-kẽ, nhất là tiểu-thuyết ta, là cố muốn tỏ ra rằng, các cụ ta xưa, tuy vậy, không thiếu một thứ gì là không học mà không có làm sách: Tiểu-thuyết là một môn không cần thiết mà còn nhiều đến như thế, huống chi là các môn khác. Các sách về khoa-học cũng không phải không có: ta thử dở các mục sách cổ ra mà coi, bao nhiêu là sách về thiên-văn, bao nhiêu là sách về y-học, đượ-học, bao nhiêu là sách về toán-học. Những môn ấy không phải là khoa-học là gì? Ít lâu nay có nhiều người sốt-sắng về quốc học! tự bảo mình có cái trọng-trách phải thu-thập, các tài liệu cổ, kéo sợ ngày lâu thất-lạc. Điều đó thật hay, thật phải, tôi xin nhiệt-liệt tán-thành, thúc-dục nên làm. Nhưng một khi thấy điều gì, xin cứ nguyên văn chép ra, thấy thế nào viết ra thế, tuyên bố cho mọi người xem mọi người biết, kết luận cho chính-đáng. Xin đừng quá chấp-chảnh mập-mờ rồi lấy ý riêng đoán phỏng mà vội bàn tán. Mỗi khi ai kia bàn-tán như thế tôi lại thấy nói đến các cụ ta xưa sai hết, từ danh hiệu cho đến các công-việc, nhưng kỳ thực ra chính mình mập-mờ không hiểu, khiến thức-giả phải bầm bụng đau thâm. Cũng có người cả gan dám nói các cụ ta xưa chỉ có bất quá một số ít sách thì văn cử nghiệp còn lại,

ngoài ra không có gì cả. Xin đề ý đến những điều tôi vừa nói qua, thì các cụ ta có lưu tâm đến khoa-học hay không? Mỗi khi được gặp các bậc học-giả ấy chúng tôi vẫn lấy nhời khéo mà van xin không nên vội bảo các cụ ta xưa sai nhầm, vì mình chưa thể hiểu hết được các cụ. Thế mà phần nhiều cứ vắn dãi tri là ta học rộng, cất chân là chê các cụ ta sai, cất tay là nói các cụ ta hủ. Chúng tôi nói thế, không phải có ý hô-hào nhất thiết cái gì cũng phục-tông các cụ cổ, cái gì cũng cứ phải lấy các cụ xưa làm mẫu-mực, bỏ qua công-lệ tiến-hóa của loài người nhất là của sự học. Khi ta nói ta phải nên xét cái tiến-bộ của học-giới ở toàn thế-giới hiện-thời và cái hoàn-cảnh các cụ ta xưa khác nhau thế nào. Chúng ta phải biết chúng ta ở đâu mà ra. Chúng ta học ở đâu mà biết được điều nọ điều kia: Cổ-nhân có nói : « Ngã kim tại tọa chi địa, cổ chi nhân tăng dĩ tiên ngã tọa chi » có lẽ những điều ta cho là mới tìm ra, cổ-nhân đã xét kỹ mà ta không hay, cổ-nhân cho là nhầm không nói ra mà ta không biết hay là cổ-nhân nói ra mà ta cũng hiểu. Vậy tôi xin chấp tay van ai chớ nên tự phụ, tự-đắc về những điều mình cho là mới biết, tìm ra được, chấp nhất cái bã giã của cổ-nhân mà vội chê các cụ Việt-Nam ta xưa cái gì cũng nhầm-lẫn, cái gì cũng không có. Nhưng thôi, nói thì nói, van thì van, bất quá cũng là câu truyện tiếu-thuyết.

10. — Phụ lục bài Trường-Hận ca Dịch âm

(Bản dịch âm này đã có đăng trong T. N. số Novembre 1941 cùng với bản diễn âm của Vũ Đình-Liên. Vạy xin miễn đăng lại).

HỘP THƯ

*Cùng các bạn gửi thơ đề dâng :

Chúng tôi vẫn nhận được rất nhiều bài thơ của các bạn đọc có lòng yêu gửi đề dâng trong T. N. Chúng tôi xin thành thực cảm ơn và xin nhắc lại rằng, trừ những trường hợp đặc biệt, báo T. N. không đăng thơ. Vạy xin các bạn lượng thứ.

Ô. Ph. c. Ng. Bài « đọc Trại Bồ-Tùng-Linh » vì một lẽ riêng, không đăng được. Xin thứ lỗi.

Ô. Tảo-Trang Ô. Ph. khắc-Khoan — Đã nhận được bài xin cảm ơn.

Ô. Dương Đạt (Huế). Báo cũ thiếu những số cũ chỉ còn từ số 10.

Ô. Duyên (Nha-trang). Vì lệ nhà báo trả tiền trước. Xin ngài miễn thứ.

Ô. Ng-x-Hiếu. Vui lòng tiếp ông tại nhà riêng 65 bis Bd Rollandes Hanoi 10 giờ sáng thứ nam 6 Aout 1942.

Trường-hận-ca diễn âm (Thi ca)

1. Hân hoàng trọng sức bấy niên nay
Giáo gót tim hoa trái tháng ngày.
Có gái họ Dương xuân mới chính
Phòng hương phong kiết chữa ai hay.
2. Chắt tốt giờ sinh nữ phụ mà
Một mai vợ lại chôn cung nga.
Miệng cười trộm thức hoa đua nở
Son phấn cung nào chẳng kém xa.
3. Ngày xuân đi tắm giếng hoa thanh
Mỡ rạn màu da sóng gợn tình.
Đôi ả thị nhi nung liễu yếu
Ơn vua thêm nhuận cái xuân xanh.
4. Tóc mây hoa dát bước vàng lay
Ấm chường phù dung trái khắc chầy
Khắc chầy hiềm ngăn vàng ở tỏ
Trầu trực quân vương ngân sớm ngày.
5. Chén quỳnh bao cạn ấm và êm
Xuân lại xuân rồi đêm lại đêm.
6. Cung quế ba nghìn mấy kẻ thân
Ba nghìn chuyên một ái cùng ân.
Nhà vàng riêng chốn phòng đêm trực
Lầu ngọc yếm rồi tỉnh với xuân.
7. Anh em lắm kẻ cũng quan sang
Nhà cửa khen ai khéo diềm trang
Thiên-hạ giầy xem đầu cũng thế
Sinh nam nào trọng gái phò trương.
8. Mây xanh cung quyết họa nên đầu
Gió thổi nơi nơi nghe nhạc tàu
Ti trúc vang lừng chen múa hát
Quân vương khen những luống ngày đầu.
9. Ngư-dương tiếng trống rộn bên tai
Đề khúc nghệ thường vỡ tại ai.
Thanh quyết khói tuôn hòa gió cát
Tây nam xe ngựa rợp phương trời.
10. Ngọn cờ phảng phất lại hay đi
Trăm dặm ngoài thành lần quát chi.
Ngán nỗi hành chinh quân ngại bước
Giáo oan thương hời hời nga my.
11. Hoa diên rơi đất đã ai thu
Kiêu trọc ngọc này nơ bỏ du
Gom nhĩ quan vương can chẳng dạng
Quanh xem lại láng huyết hòa châu.
(Còn nữa)

TRẦN VAN GIÁP

Ý-KIẾN BẠN ĐỌC ĐỐI VỚI THANH-NGHỊ

Huế le 24 Juin 1942

Thưa Ông,

Đọc tờ « Thanh-Nghị » tôi sung sướng và thỏa thích như bắt gặp một vật quý.

Thanh Nghị có một giá trị rất cao quý.

Thanh Nghị là một thứ đồ ăn đủ để bồi bổ cái thiếu thốn trong sự học vấn của bọn trẻ như tôi.

Nói tóm lại Thanh Nghị là một tờ báo hoàn toàn đáng làm gương cho các tờ báo khác.....

Kính chúc quý báo trường thọ.

Vệ Nam H. T. C.

T. b. — Tôi xin hỏi ông số Thanh Nghị 1er Mai nghĩa là số 12 còn hay hết. (1)

Nếu còn, ông gởi cho tôi 1 quyển. Rất cảm ơn ông. Tôi rất lấy làm tiếc đã đánh mất mất số 12. Mong ông trả lời gấp.

Hoàng trọng Chương

(1) Hết T.N.

Phonghòa le 22 Juin 1942

Kính ông Vũ đình Hòe cùng phạm vi trong tờ tuần báo ông được mọi điều may mắn.

Đây khi tôi coi đến số báo Thanh Nghị tuần báo của ông, có rất nhiều đặc sắc và hợp thời lắm : Tôi rất tiếc phải chỉ tôi đây là một bực Chi-sĩ hay là một kẻ Nhân-tài, thì tôi quyết làm cho ngôi báo ông được đứng vững ngàn năm, và lan tràn khắp cả Á-đông ta mà nhất là trong vòng chữ S vì tuần báo của ông có chỗ khảo cứu văn chương có phần dẫn đường cho con trẻ.

Vậy đây tôi có gởi cho ông cái (Mandat Poste) một đồng (1\$00) bạc vậy khi ông lãnh tiền rồi, ông trả lời cho tôi biết kéo tôi đợi, ông cứ gởi cả năm đi. Khi nào hết hạn tôi gởi thêm tiền nữa.

À ông cho tôi biết đến khi nào mãn hạn tôi xin hứa với ông tôi sẽ cố động cho tờ tuần báo ông cho người đây biết.

Thôi ít hàng cùng ông. Chào ông.

Kính thư Hào

Adresse : Cochinchine

Donimique chiến Hảo chez chiến Giáp

à Phonghòa (Cần-thơ)

VỎ-ĐỨC-DIÊN

ARCHITECTE D. P. G. L.

N° 3, Place Négrier — HANOI

TÉLÉPHONE : 77

LÀ QUÊ HƯƠNG...

(Tiếp theo trang 17)

Trong yên tĩnh của lệ tục, cánh rũ không mở, vì không thấy cần phải to lớn nên quên rằng chúng phải to lớn. Gió ở ngoài càng nổi lên mạnh bao nhiêu, cánh càng phải giương rộng ra bấy nhiêu.

Phải, nhưng kẻ yếu sẽ bị yếu vong.

Ta có nên tự an ủi nói rằng : « Ấy là những kẻ yếu » ? Ta nói thế này thì hơn : Học vấn để cho người khỏe thôi. Còn người yếu để họ đam mê sâu, để họ sống ngập ngội trong những tập quán di truyền bởi phủ họ, giữ cho họ khỏi rết murôt. »

André Gide l'Ermitage — Số

tháng 2 năm 1898

DIỆU-ANH dịch

MUỐN NÂNG CAO CÔNG NGHỆ
NƯỚC NHÀ NÊN DÙNG DẤM

PÉDOCA 6°

Chế theo phương pháp các nhà sản xuất Desseau và Borde-laise, đã được phòng thí-nghiệm công nhận Thơm và độ Chua không thay đổi

Có bán tại các hiệu thực phẩm như
G. M. R. Poincard Veyret

Làm đại-lý, viết thư về :
136 Armand Rousseau, Hanoi

(Tiếp theo và hết)

MẬU ấp ứng được mấy tiếng, thì miệng đã méo xệch, vội đưa khăn tay lên mắt Dáng điệu ấy đủ trả lời thay cho lời nói. Trong một lúc khác, chắc Qui đã thấy vẻ tức cười của Mậu. Còn gì xấu bằng một người đàn ông khóc lướn mướt, thêm áo quần tả tơi, nhàu nát, đầu tóc bù xù? Qui không ngờ rằng Mậu lại có lúc như thế, Mậu khác hẳn với người đàn ông trước kia vẫn đi Hà - nội, ăn cao

lâu, xem chiếu bóng với nạng, dài điếm và vui vẻ, nhưng trường hợp này quan trọng, bi thiết quá, không cho Qui nghĩ lâu đến Mậu. Mẹ nàng cũng đã sứt sứt. Chung quanh toàn những người mặt đỏ hoe, nét mặt rười rượi. Cửa vào buồng đã che chiếc màn đen, thỉnh thoảng để thoát ra một mùi hương thấp trong buồng.

Bà mẹ Mậu bắt đầu vót lại chiếc đĩa bông :

— Nó lại bị như mấy lần trước, nhưng lần này yếu quá, và băng huyết nhiều quá. Thôi, chẳng qua cũng là cái số nó thế !

Chiếc đĩa rung rung trong àn tay hơi run. Bà cụ thở dài, với cái vẻ nhẩn nại của người già đã qua nhiều nghịch cảnh :

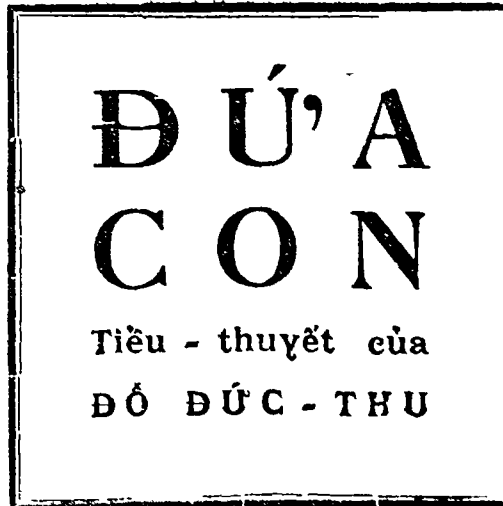
— Tôi lên đến nơi thì nó đã mê man. Đốc tờ cũng đã chê, cũng đã hết lòng hết sức, nhưng số thế thì không làm sao được. Được một lúc thì nó đi. Lúc ấy vào khoảng bốn giờ.

Bốn giờ là lúc Qui và mẹ đang ngồi ô-tô, lúc bà cụ thấy bồn chồn nhiều nhất. Có lẽ là lúc bà Mậu hấp hối, mong người mẹ. Nhưng đã mê man, thì đâu còn biết mong? Bà cụ đứng dậy, muốn vào buồng nhìn mặt con gái một lần cuối. Bà mẹ Mậu ngăn lại :

— Cụ mới đi đường xa, hãy còn mệt, hãy ngồi uống chén nước đã.

Bà cụ muốn biết rõ ràng. Mậu như không có sức kể lại rành rọt. Sau những người đã chứng kiến tấn thảm kịch, mỗi người một câu chấp nhận lại, thành Qui và bà mẹ biết rõ đầu đuôi câu chuyện.

Sáng hôm ấy, lúc Mậu đi làm, người vợ còn nằm trong màn. Bà Mậu kêu mãi, thỉnh thoảng lại lâm râm đau bụng. Mậu vô tình, và gian buồng tối, nên không trông rõ vẻ lo ngại trên mặt vợ, cho là mệt mỏi soàng. Chàng đã quên những lần tiêu sản trước, cả h đây đã bao nhiêu năm.



Chàng không ngờ là vợ lại có những triệu chứng ấy. Tám giờ hơn, con ở đến sở gọi chàng. « Mẹ con làm sao ấy, bảo mời cậu về ngay. » Chàng lật đặt thu xếp giấy má, xin phép chủ đi về. Người vợ nằm trên giường, mặt đã thất sắc, mỗi một cơn đau lại làm tai thêm, con mắt đại thêm, người vợ hôn hèn bảo chàng :

— Cậu đi mời ngay đốc-tờ cho tới, mời đốc-tờ tây ấy. Có lẽ... có lẽ...

Người vợ không nói hết

câu, một cơn đau làm miệng dùm lại, mặt nhợt nhạt đầm mồ hôi, Mậu đã hiểu, chàng vội nhảy lên xe đạp, ra nhà thương. Lại gặp giờ quan đốc đang khám bệnh, chàng phải đợi một lúc lâu. Lúc thầy thuốc tới, thì bà Mậu đã mất sắc và yếu hơn trước, nhìn thầy thuốc thăm bệnh cho vợ, Mậu hơi được yên lòng, chàng mong một câu gì để phá tan những nỗi lo sợ.

— Mời đây, có bị ngã, hoặc trượt chân không?

— Bầm không, không bị ngã hay chượt chân bao giờ.

Thầy thuốc nghe ngóng một lát nữa :

— Trước kia có bị tiêu sản lần nào không?

Mậu ấp ứng :

— Bầm... có.

Thầy thuốc làu nhàu mấy tiếng, rồi quay bảo Mậu :

— Phải đưa ngay vào nhà thương. Đây là triệu chứng tiêu sản. Có thể sinh ra nguy hiểm. Đờ ở nhà, nên sinh biến chứng thì không đủ dờ dưng, đủ thuốc để cứu chữa.

Mậu sực nhớ lại lời một y-sĩ khác. đã lâu lắm. « Dạ con của bà yếu quá, không giữ nổi cái thai. Nếu người yếu thì nguy hiểm lắm. Bà nên cẩn thận. » Chàng đảm sợ mướt mồ hôi.

Mậu đưa vợ vào nhà thương, và cũng theo vào. Trong lúc này, chàng muốn luôn luôn cạnh vợ, nhưng khi người vợ đã được vục vào trong buồng đẻ, thì cửa buồng đóng lại, người ta không cho Mậu vào. Chàng không ích gì ở chỗ ấy, họa chăng có ích cho vợ chàng thêm chút can đảm chịu đau, chàng bồn chồn, càng thêm lo, không hiểu trong buồng làm những chò gì. Chàng không thấy một tiếng kêu rên của vợ. Hình thoảng một vài người nữ khán-hộ qua lại, mang một thức gì vào buồng. Chàng níu lại hỏi thăm.

— Ông cứ yên tâm. Đã vào đến đây thì quan đốc sẽ hết sức. Lo sợ cũng đến thế thôi. Vả lại cũng không việc gì phải lo sợ.

— Có phải là tiểu sản không, bà ?

— Đề quan đốc còn xem. Bà nhà có mang được bảy tháng, phải không ?

— Vâng, hình như bảy tháng, những lần trước, nhà tôi cũng bị sảy ở tháng thứ bảy, nhưng ..

— Thế à ? Đã có bị sảy rồi à ? sao lần này ông không cần thận ?

Người nữ khán-hộ nói rất thản nhiên, như câu chuyện không can thiệp gì đến họ, mà thực ra, thì có can thiệp gì ? Họ làm nghề ấy đã quen với những cảnh ốm đau, những chuyện dễ khó, dễ dễ. Họ đã thường trông thấy người chết, tai thường nghe thấy kêu, than. Trái tim họ không còn hưởng ứng với cảm giác của người hàng xóm. Vợ chàng, chẳng qua cũng chỉ là một « ca » như những « ca » khác.

Lúc này, Mậu thấy cần có những người thân thích ở bên. Chàng chạy đi đánh giày thép cho Qui và mẹ vợ, sai người ở về quê gần đấy tìm người mẹ đẻ. Lúc Mậu lộn lại nhà thương, người khán-hộ bảo chàng :

— Quan đốc đã đánh thuốc mê để lấy cái thai ra. Một đứa con giai, nhưng yếu quá, giới không cho làm người...

— Thế còn nhà tôi ?

Bà ấy còn đang mê man. Ra nhiều máu quá. Ông cứ vững tâm, may ra cũng không can gì.

Tại sao lại « may ra » ? những lần trước, cũng tiểu sản, đâu có những chuyện phiền phức ấy. Việc gì, mà đến nỗi phải đánh thuốc mê để lấy cái thai ? chàng chắc có những điều lạ, mà chàng không thể biết rõ. Muốn biết rõ, họa chàng phải là y-sĩ. Điều chàng rõ nhất là vợ chàng đang trong lúc nguy hiểm, quá như chàng tưởng tượng một câu nói lại văng vẳng : « nếu người yếu thì nguy hiểm lắm. »

Mậu nhớ lại : thời gần đây, vợ chàng cũng không lấy gì làm yếu lắm. Họa chẳng lúc Qui mới đi, vợ chàng cũng có phần kém sút. Đó là lỗi tại chàng. Bây giờ thì Mậu xin nhận cái lỗi ấy. Nếu giới cho qua lúc này, Mậu tự hứa sẽ không bao giờ làm phiền lòng vợ, để cho vợ phải buồn phiền. Mà từ khi làm lành, người vợ đã vào nằm trong buồng rồi, thì cuộc đời cũng đã lại như cũ. Vợ chàng không còn về ốm yếu. Mậu không biết rằng lòng người đàn bà vẫn chứa chất đầy lo nghĩ. Cái đau đớn âm thầm, lặng lẽ trong tâm can cũng có sức rất mạnh tàn phá cơ thể.

Người đàn bà cứ yếu dần đi mãi. Một điều nữa làm tăng nỗi lo sợ người chồng, là bà Mậu bị băng huyết. Đó là nỗi đang lo ngại nhất. Lúc cho hay tin ấy, người khán hộ cũng không còn vẻ bình thản của người đã quen nhìn cái chết. Có lẽ bị lây, hoặc ai ngại cho nỗi lo sợ, dáng điệu luống cuống bất lực của Mậu.

Bà mẹ đẻ Mậu tới. Bà dục Mậu đánh thêm giày

thép cho mẹ vợ và Qui, và xin cho vợ về nhà, để có thể nào, thì « cũng được chết ở nhà. » Bà cụ đã từng trải về những chuyện ấy, hiểu rõ hơn Mậu. Câu nói tuy sống sượng, nhưng không làm Mậu sợ thêm. Chàng vẫn mang máng nghĩ tới, và lại thấy đỡ lo chút ít, vì có người thân bên cạnh lo liệu dùm chàng, nếu có sảy chuyện không hay.

Về nhà, bà Mậu cũng không khá hơn chút nào. Chứng băng huyết vẫn không cầm, lại có phần nguy thêm, mặt mỗi lúc một mất sắc, hai con mắt đại như mắt đũa bé mới tập nhìn. Những tiếng rên nho nhỏ cũng dần im, cặp môi thỉnh thoảng mấp má, không thành tiếng gì.

Bà mẹ chồng luôn luôn trong buồng, Mậu cũng quanh quẩn ở đấy, không rời cái giường người ốm, không buồn tiếp những người đến hỏi thăm, không rõ vì sao họ biết, họ đã lác đác đến, mấy bà hàng xóm, mấy người quen. Họ vào buồng nhìn bà Mậu, hỏi thăm một vài câu, nói một vài câu chuyện, vì cảm tình ít hơn là vì tính tò mò muốn biết một sự lạ. Rồi họ bỏ về lúc nào, cũng không ai biết.

Bà mẹ chồng có ý mong giàu gia, luôn luôn hỏi giờ. Bà Mậu mấp má môi, bà cụ vội ghé lại gần, nhưng chỉ thấy một hơi thở yếu và mau, như một hơi thở hắt ra.

— Bây giờ làm sao ? Đã đánh giày thép về dưới nhà, cụ cũng sắp lên đấy.

Người ốm vẫn ngơ ngác, không nghe thấy gì, không hiểu gì. Con mắt đã đại lại càng đại thêm.

Hơn một giờ chẳng ở. Bà Mậu đã không đợi được mẹ và em, khi lực trong người ra theo với huyết băng, người đàn bà thiếp dần dần, dễ dàng như đứa con nít khi đi ngủ, cho đến lúc cái hương kẻ gần mũi không còn bị lờ mờ vì hơi thở, người đàn bà không dối dăng điều gì, không lúc nào tỉnh lại để biết rằng mình sắp chết.

Trong đời bà Mậu, bao nhiêu mưu thuật, bao nhiêu lo nghĩ, chỉ cốt lấy đứa con, có khi bà đã làm điều tự biết là trái. Bà đã không ngại đem em gán cho chồng, không sợ nguy đến tính mệnh. Chung qui vẫn không lại với số mệnh. Cái chết đã đánh giấu hết cho các nỗi mong mỏi, đau đớn và thất vọng.

Đứng trước giường chị, Qui rất bỡ ngỡ, hình như không tin cái tai biến sảy ra, nó lạ lùng đột ngột quá, Nàng không thể tưởng tượng được một người có thể chết chóng vánh như vậy. Mới hôm nào, chị nàng còn khỏe mạnh. Qui nhớ lại cả lần nói chuyện cuối cùng, trước khi người chị ngược. Bây giờ đã là cái sắc cứng phủ lằn chân, cái mặt bé quắt lại, chỉ còn lớn hơn một bàn tay, trên che tờ giấy bản. Ánh sáng lờ mờ mấy chiếc đèn, mùi hương thấp ở đầu giường làm thêm vẻ lạnh lùng, ghê rợn.

Qui thấy muốn khóc vì lấy nước mắt của người chung quanh. Trong lúc đầu, nàng chưa thấy lòng thương chị. Dần dần, nàng nhớ lại. Nàng

nhớ lại những lúc chung đụng, những cơn sốt. Lùi lại nữa, nàng nhớ đến một thời-kỳ xa hơn. Quì như xem lại một phim ảnh từ lúc chị nàng về mưu nàng lấy Mậu, bây giờ những chuyện ấy như không nghĩa lý gì, cái chết đã xóa nhòa hết cả. Cả những lúc ghen tuông sốt sắng. Nàng giết mình nhớ rằng đã có lần, tức bực quá, nàng đã ủa.thầm, mong cho người chị chết.

Quì vội ra gian ngoài. Hai bà giàu-gia đang ngồi bàn tính công việc, nhắc lại cuộc đời người chết, thỉnh thoảng lại đưa khăn lên mắt. Bây giờ, Quì tự nhiên thấy địa vị nàng cao lên, nhất nhất việc gì, người chung quanh cũng hỏi đến nàng. Quì không biết làm sao, đùn cho Mậu. Mậu lắt ta lắt trối, chạy ngược chạy xuôi, trông rất tội nghiệp. Quì tự nhiên thấy thương hại và bớt ghét chồng.

Mấy tháng sau.

Tình tha thân chơi trong vườn nhà Mậu, một con vú đứng cạnh trông. Quì ngồi trong cửa sổ nhìn ra. Nàng bảo người vú :

— Vú xuống trông com với con sen, để tôi trông chú cho. Cậu cũng sắp về rồi.

Người vú xuống bếp. Quì ra vườn với đứa bé. Nàng chơi với con, thỉnh thoảng lại nhìn ra phía đường đi, có ý mong Mậu đi làm về.

Quì đã về ở nơi Mậu. Công việc ma chay cho người chị xong, nàng có lộn lai nhà mẹ một lần, thu xếp mấy việc vặt. Quì có tìm Huy, nhưng hỏi ấy Huy đi vắng. Người chung quanh giục nàng lên với Mậu, để trông nom cho chồng, thay cái chỗ người chị bỏ trống. Nàng không còn có gì tri hoã. Nàng nghĩ: « Thì cứ lên xem sao, rồi mình muốn định việc gì cũng được kia mà? », rồi bế con đi.

Ấy giờ, những chuyện ấy như đã xa lắm. Nàng đã quên Huy. Tuy chưa quên hẳn, nhưng thỉnh thoảng có nghĩ đến, Quì không còn thấy hồi hộp, bồn bốt. Thực ra, mỗi tình ấy chỉ mạnh-mẽ, dằm thắm được lúc đầu. Nó đã nhạt ngay trong mấy tháng về sau. Bị kích-thích về cảnh ngộ, Quì tưởng như yêu Huy được lâu giải, tha thiết được sống với nhau. Và lại còn những quan niệm lãng-mạn vì tình ái sui dục, trí tưởng tượng thêu dệt ra những cảnh êm đẹp. Đến gần, những cái đẹp ấy tan mất. Quì không thấy tha thiết. Người vợ cả chết, Quì về với chồng, là nhát dao cuối cùng cắt đứt sợi giây đã lỏng-lẻo.

Về với chồng, nàng cũng thấy không khó chịu gì lắm. Không còn những tiếng nặng nhẹ, những truyện tranh dành. Người chồng lại chiều chuộng nàng. Quì muốn làm gì, tùy ý, không còn ai cấm, ai ngăn, không còn nơm nớp sợ, như bên mình có con mắt dính mò để xét đoán. Thật ra, nàng cũng chẳng yêu gì Mậu hơn, nhưng Mậu yêu nàng, chiều nàng, dần dần nàng cũng thấy dễ chịu, và quen cảnh sống cạnh chồng.

Có nghĩ đến Huy, Quì thấy là một việc bất

chính, cần phải quên. Nàng nghĩ ngay ra chuyện khác. Lúc gần chồng, mà có nghĩ đến nhân tình cũ, Quì lại thêm về âu yếm Mậu. Người chồng tin là Quì trước sau vẫn yêu chàng. Mậu lấy thế làm đủ lắm. Không bao giờ chàng có ý muốn biết thời kỳ xa chàng, Quì làm gì, nghĩ những gì?

Mậu đi làm về, nhìn thấy vợ con, cười ngay từ ngoài cổng. Ghi tích của người đã qua, họa chăng còn lại cái bang đen trên mũ Mậu, và ở cánh tay áo. Mậu có thương sót, buồn bã mấy ngày đầu, rồi thời gian làm người lòng nhớ tiếc. Ngồi với Quì, hai người có nhắc lại, thì cũng như nói một chuyện nhà hàng xóm, họa chăng nét mặt họ có rầu rầu. Nhưng rồi họ vui ngày. Ngồi với nhau họ không thể buồn được lâu. Và lại còn đứa con, thằng Tinh, rất khéo, thường chen vào câu chuyện, mang sự vui về đến cho họ. Ôm-ấp đứa bé, Mậu không nhớ đến người vợ trước, người đàn bà đã tốn bao nhiêu tâm lực để cho có nó. Chạy vất vả, đau đớn, mà lúc nhắm mắt vẫn còn mang hận.

Quì bế con theo chồng vào nhà. Nàng đỡ tờ báo ở tay Mậu :

— Báo mới đấy à? Có gì lạ không?

— Tôi cũng chưa xem.

Bây giờ lại là lúc mỗi bữa ăn, Mậu có tờ báo bên cạnh, nói huyên thuyên để khoe cái hay, cái giỏi với vợ. Quì chăm chăm nhìn một mục :

— Hà-nội lại có diễn kịch đây mà. Thứ bảy này. Về xem đi anh, đã lâu lắm mình chưa về Hà-nội.

Mậu trả lời :

— Ừ về thì về.

Rồi chàng chợt nhớ ra :

— Thế còn Tinh. Phải cho cả Tinh đi à?

— Có phải vậy. Mang đi cho thêm hận, ai mà trông được nó.

— Con vú trông chứ ai? Đói thì đã có nó cho ăn, tối nó cho đi ngủ. Đi vắng mới có một tối thì đã làm sao.

Mậu không muốn giao con cho vú. Chàng thấy không yên tâm, nhưng lại sợ mất lòng Quì. Lương lự giây lát, chàng nói :

— Ừ, hay là thế cũng được.

Hanoi, Mai 1941

Kwangchou Wan juin 1942

HẾT

Thống chế PÉTAIN đã nói :

« Trợ-lực TĐ-Quốc, tức là tin cậy TĐ-Quốc, tức là luôn luôn nhớ đến TĐ-Quốc, từ ý nghĩ đến lời nói, cho tới việc làm, tức là không nhận điều gì, không nói điều gì, không làm việc gì có thể phương-hạ đến TĐ-Quốc. »

TỪ ÁNH SÁNG ĐẾN KIẾN-TRÚC VẬT-CHẤT

(Tiếp theo trang 13)

V

Kết luận

Đó là những bước đường mà khoa Vật-lý-học đã trải qua trong 40 năm vừa rồi. Về đường lý-thuyết, khoa-học ấy cũng đã đi được hai khúc đường khó khăn nhưng đầy hứa hẹn : Thế kỷ thứ 20, tuy còn trong thời kỳ bán khai mà đã thấy nảy nở hai thuyết luận. Một là « luận Tương đối » (théorie de la Relativité) của Einstein, thuyết mà nhà thông-thái Đức đã đề xướng để giải quyết một vài thí nghiệm về quang-tuyến giao-thoa, rồi sau cùng người ta đã ứng dụng để giải-thuyết rất nhiều hiện-tượng, nhất là về khoa Thiên-văn. Luận tương-đối của Einstein đã được công chúng rất đề ý, nhất là trong đám triết-lý-gia, vì luận-thuyết ấy đã đem lại cho ta nhiều quan niệm mới mẻ về vũ-trụ, và nhiều cách lập luận, nhiều mối tư-tưởng trái hẳn với tư-tưởng mà trải hơn 2000 năm nay, ta đã quen cho là kiên-cố, là dĩ-nhiên.

Thuyết thứ hai thì công chúng ít biết hơn, tuy ảnh-hưởng về Vật lý-học có phần quan-hệ hơn : ấy là « thuyết Lượng-tử » (Théorie des quanta), mà người có công trước nhất lại là nhà thông thái Đức Planck. Thuyết này đã đem vào Vật lý-học, một khoa mà trước kia người ta cho là khoa học những hiện-tượng có tính cách liên tiếp, những quan-niệm có tính cách gián đoạn. Về vấn đề kiến-trúc vật-chất chẳng hạn, Bohr đã xướng rằng ta phải coi nguyên-tử như những nhật-hệ cón con, mà cỏi là định-tinh, còn điện-tử xoay quanh sẽ là hành-tinh. Nhưng muốn cho những nhật-hệ ấy được vĩnh cửu, cần phải định rằng những nhật-hệ ấy phục tùng theo những định lệ

khác hẳn những định lệ thông thường ở Thiên-văn-học. Những định lệ ấy là định lệ của thuyết Lượng-tử, sau này lại chữa đổi, theo thuyết « ba-động cơ-giới-học » (mécanique ondulatoire). Thuyết này bây giờ hình như đã chiếm được tất cả các cảnh-giới của những khoa « Hóa-học phần nhân » và còn lan ra tất cả phạm-vi của Vật lý-học, cho đến Hóa-học là đường khác nữa.

Thuyết « ba-động cơ-giới-học » đã đem lại cho các nhà khoa-học những quan-niệm mới mẻ về các luật tự nhiên của vũ-trụ. Những định-lệ khoa học phát minh ra bây giờ không còn tính cách chặt chẽ nghiêm ngặt như trước nữa. Cho đến cái tính cách quyết định của các hiện-tượng tự-nhiên, bây giờ cũng phải lung lay, nhường chỗ cho những định-lệ cái-nhiên (lois de probabilité) Cái « nguyên-lý tri-nghi » (principe d'incertitude) của Heisenberg chính do từ đây.

Thành thử về đường thí nghiệm, cũng như về đường lý-thuyết, khoa Vật lý-học ở đầu thế kỷ thứ 20 này, đã mạnh mẽ bước vào con đường mới mẻ, đầy hứa hẹn tương lai, ta có thể ước vọng rằng không lâu nữa, Vật lý-học sẽ mang lại cho ta những tia sáng rực rỡ chói rọi một vũ-trụ thành quen thuộc, biết bao nhiêu cái đẹp để huyền bí bây giờ sẽ bày tỏ ra cho chúng ta chiêm ngưỡng.

N. N. K.

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua
VÉ SỔ SỐ ĐÔNG-DƯƠNG

SÁCH MỚI

Nouvelle organisation économique.

Messages et causeries édités par la Légion française des combattants et des volontaires de la Révolution nationale.

La France et le progrès de la chirurgie.

par P. Huard

Hiển-pháp của quốc trưởng Pétain, do phủ Toàn Quyền xuất bản.

Những kẻ có lòng của Lê-văn-Trương một thiên tiểu thuyết xã hội, loại « chọn lọc » trong tủ sách Đời Mới sách in đẹp giá 1\$20.

Hạt mau cuối cùng loại sách giải trí. Hàn-Thuyên xuất bản giá 0\$50.

Xin cảm ơn các nhà gửi tặng và giới thiệu cùng độc giả.

TUẦN BÁO ĐÀN BÀ

Là bạn thiết của tất cả các bạn gái.

Là món quà quý để các bậc cha mẹ cho con, các ông chồng tặng bà vợ, các anh trai tặng các em gái.

Tờ báo phụ nữ độc nhất ở Đông Dương hiện thời, toàn do các bạn gái chủ trương.

Giá báo 1 năm: 6p.00, 6 th. 3p.00, 3 th. 1p.60.

Mandat mua báo gửi cho :

Mme THUY AN

Journal Đàn Bà

76, Wiéle — Hanoi

VIỆC QUỐC TẾ:

AI-CẬP, KÊNH SUEZ VÀ EO BIỂN DARDANELLES

Quân Anh và Đức-Ý vẫn cầm cự ở Ai-cập. — Rostov thất thủ. —
Quân Nhật đổ bộ ở Nouvelle Guinée.

Mặt trận Ai-Cập

Quân Anh nhờ sự tiếp tế của quân đội Úc và hai đạo quân số 9 và số 10 ở Syrie và Palestine, vẫn cản được sức tiến của quân Đức Ý trước El Alamein và thắng lợi trong một vài trận. Tướng Von Rommel có vẻ chưa định khởi một cuộc tấn công quyết liệt, còn chờ quân tiếp tế mà Đức sẽ đưa sang sau khi đại thắng ở Nga.

Trong khi đợi kết quả trận Ai-Cập nó sẽ định số phận của cả miền Bắc-phi Trung-đông và Cận-đông, cùng số phận của Đế-quốc Anh và địa vị của Đảo-quốc trong các miền đó (xem bài kỳ trước) ta nên xét qua tình thế hiện thời về phương diện quốc-tế của ba nơi : Ai-cập, kênh Suez và eo biển Dardanelles là những nơi đã gây bao cuộc hoạt động chính trị và ngoại giao gay go và quan hệ giữa nước Anh và các cường quốc Âu-châu khác.

Xứ Ai-Cập và quyền lực của Anh

Xứ Ai-Cập là một bãi sa mạc rộng mà một phần tự nhiên được phì nhiêu nhờ ở con sông Nil, chảy qua, một con sông có công « khai quốc » với xứ này và được dân bản-xứ sùng thờ như một vị Thần. Sức nước của sông Nil rất lớn : 13.000 khối vuông một giây trong kỳ nước to. Mỗi năm một vụ lụt : nước sông tràn ra các miền lân-cận, đắp lên cánh đồng một lượt phù sa tính độ đồng là một cân rưỡi trên một thước vuông. Ở dọc sông, lần đất phù-sa dày tới mười, mười hai, thước. Dưới lần đất sộp ấy, một phần nước lụt ngấm xuống làm thành một giải nước ngầm, số nước lưu trữ có luôn năm. Cả xứ này sẽ trợ trụ, không cây cối, giếng giọt gì nếu không có con sông Nil : cây cối hoa màu chỉ thấy ở dọc sông và miền đồng bằng. Nước Ai-Cập rộng 1.050.000 cây số vuông. Cả miền trung châu chỉ rộng có 30.000 cây số vuông, tức là 3 phần trăm đất toàn xứ : nó nằm như một ốc-đảo dài (oasis), rất phì nhiêu, một thứ phì nhiêu không bao giờ kém vì mỗi năm lại một lần thay lớp khác.

Dân bản-xứ số đông là giống người Fellah da chẳng tựa tựa người Ả-Rập, phần nhiều theo Hồi-giáo. Dân số : 15.281 000 người trên một giải trung châu 30.000 cây số vuông, bề mặt nước Bỉ-lợi-thi. Số người đông gấp đôi số người ở nước đồng dân cư nhất Âu-Châu.

Xứ Ai Cập hoàn toàn theo nông nghiệp. Nhờ ở đất tốt và công cuộc dẫn thủy nhập điền (bằng những đập nước và bề trữ nước) các nông sản như rau đậu, hoa quả, lúa mì, lúa mạch và nhất là bông, không những đủ dùng trong nước mà còn bán ra ngoài một phần lớn. Xứ Ai-Cập hầu như giữ độc quyền trong thị trường quốc-tế về việc xuất cảng thứ bông nõn rất quý. Mỗi năm có thể sản xuất được từ 300 000 đến 400.000 tấn bông, đứng vào hàng thứ tư trên hoàn cầu sau Mỹ, Ấn độ và Nga, mà số dặt giồng lại ít hơn nhiều các nước ấy (Ai-Cập : 728 000 mẫu tây, Mỹ : 11.135.000 ; Ấn Độ : 9.614.000 ; Nga 1.928 000 trong năm 1931).

Kỹ-nghệ xứ này không có gì. Hầu hết những chế-phẩm đều mua ở ngoài : một đặc điểm quý giá đối với các nước kỹ-nghệ trong một thời đại mà mọi nước đều muốn tự chủ về kinh tế.

Rút lại, xứ Ai-Cập bày một cảnh tượng trừ phú ở giữa Sa-mạc, một cảnh tượng hoạt động và tấn bộ ở giữa sự bảo thủ và thụ động của Hồi-giáo.

Giá-trị đối ngoại của nó không phải là nhỏ. Bằng con sông Nil, Ai-cập mở một lối ra vào tới miền Soudan nó sẽ được mở mang theo gương nước trên thành một xứ phần thịnh tương đương có khi lại cạnh tranh với nước trên nữa. Sau hết, ai chẳng biết kênh đào Suez thuộc địa-phận xứ Ai-cập. Thành ra xứ này giữ chìa khóa của một con đường giao thông vào một vực lớn nhất trong thế-giới.

Vì đất cát phì nhiêu ở miền đồng bằng sông Nil, vì địa thế quan trọng, xứ Ai-cập đã từ 4 nghìn năm nay, là nơi sinh trưởng của một dân tộc hoạt động có một nen văn-minh rất cổ, một dân tộc đàn anh trong cả châu Phi và cũng là

một nơi đã phải trải nhiều cuộc xâm-chiếm trong lịch-sử, cũng đã gây nhiều sự tranh dành chính-trị và ngoại-giao, giữa các cường-quốc.

Từ Mênès, khai sáng nước Ai-cập, đến Cambys, nhà tiếm-địa Ba-tư, dân Fellah sống dưới quyền cai trị của 26 đời vua Pharaons. Rồi tới hồi nội thuộc các nước ngoài trong tới hơn 2000 năm : nội thuộc Ba-tư dưới quyền vua Cambyse, Darius... nội-thuộc Hi-lạp, bắt đầu từ vua Alexandrie, ông vua đã lập hải cảng Alexandrie, nội thuộc Ả-rập tới thế-kỷ thứ 10, nội thuộc Thổ nhĩ-Kỳ tới cuối thế-kỷ 18. Sau cuộc xâm chiếm trong vài năm của vua Nã-phá-Luân, mà mục đích là cắt đường giao thông của Anh với thuộc quốc, xứ Ai-cập lập được nền độc lập với đời vua Mohammed Ali là người bản xứ. Chính Nã-phá-Luân và Mohammed Ali đã có ý định đào kênh Suez.

Cho tới cuộc Âu-chiến trước (1914-1918) xứ Ai-cập vẫn giữ được nền tự chủ, tuy bề ngoài là một nước chư hầu của Thổ-nhĩ-Kỳ.

Song từ cuối thế kỷ thứ 19, sau khi kênh Suez đã đào xong (1869), người Anh (có nhiều cổ phần nhất trong Công-ty Suez) cần phải bảo vệ quyền lợi và giữ vững địa vị trong miền sông Nil. Vì vậy, từ 1882 đến 1918, tuy Ai-cập là một nước chư hầu của Thổ-nhĩ-Kỳ, nhưng kỳ thực thì bị sống dưới quyền bảo hộ của Anh quốc.

Sau cuộc Âu-chiến, chịu chung số phận của Đức, Thổ-nhĩ-Kỳ bị chuất quyền ở Ai-cập. Anh thế chân Thổ và lập quyền bảo hộ chính thức ở xứ này. Vì sự hành động gặt gao của đảng quốc gia Ai-cập (đảng Wald), đến năm 1922, Anh quốc bỏ quyền bảo-hộ và công nhận nền độc lập của Ai-cập, song bắt Ai-cập chịu nhiều điều khoản chặt chẽ như phải để Anh gửi quân đội sang để bảo vệ nhân mạng và tài sản của dân Anh. Vin vào những điều khoản đó, người Anh đã can thiệp luôn luôn vào việc nội trị của xứ Ai-cập.

Đảng Wald phản kháng kịch liệt. Tới năm 1935-1936, trước sự uy hiếp của quân đội Ý ở biên giới Ai-cập về chuyện Anh dọa đóng cửa kênh Suez không cho Ý mang quân sang Ethiopie, trước cuộc cách mệnh gây bởi đảng « Wald » ở Le Caire, Anh quốc phải nhượng bộ cho Ai-cập, và ký với xứ này ngày 26 Oút 1936 một hiệp-trúc giáo hảo và tương trợ còn thi hành tới bây giờ.

Từ đấy Anh thôi hẳn việc chiếm cứ đất đai Ai-Cập. Quân đội Anh rời Le Caire và Alexandrie, phi cơ của Royal Air Force từ giả trường bay Hé-liopolis và Aboukir để tới đóng ở miền kênh Suez. Trong thời bình số binh tập trung ở đây nhiều nhất là 10.000 người và 400 phi công. Khi có chiến tranh, chính phủ Anh có thể tăng số quân đóng lên bao nhiêu cũng được. Ai-cập nhận cho Anh hưởng tất cả những sự dễ dàng, gồm cả việc dùng các hải cảng, trường bay, đường giao thông....

Chính phủ Ai-cập cam đoan sẽ làm ngay 7 con đường đê dụng binh, từ miền kênh Suez đến các miền Cao-nguyên và Trung-châu Ai-Cập, cốt để quân đội Anh có thể tiến rất nhanh tới những chỗ bị uy hiếp. Chính phủ Ai-Cập có thể hỏi ý-kiến chính phủ Anh về chính sách ngoại giao. Năm 1937 hội nghị các cường Quốc ở Montreux, đồng lòng bãi bỏ chế độ trị-ngoại pháp-quyền (régime des capitulations) và từ nay, dân các nước Âu-Châu ở Ai-cập đều thuộc quyền cai-trị và tài-phán bản xứ. Sau đó nước Ai-Cập được hoan nghênh vào hội Quốc-tế liên-minh.

Đối với luật pháp quốc tế, Ai-Cập đã là một nước hoàn toàn độc lập : có Vua (hiện thời là vua Farouk) một Nghị-viện và một Hội-đồng thượng-thư. Song quyền lực của Anh ở đây hãy còn mạnh lắm. Trước hết kênh Suez, tuy thuộc địa phận xứ Ai-Cập, nhưng thực ra như ở trong tay nước Anh. Ngay trong hiệp ước 1936, người ta cũng nói tới kênh Suez như một con đường giao thông giữa các miền Đế-quốc Anh. Vì vậy Anh có quyền hợp tác với quân đội Ai-Cập để chống giữ kênh đó.

Lúc nào thì người Anh cũng đóng ở Le Caire, thủ đô Ai-Cập, như ở nhà mình, và hiện nay, quân đội Anh đại chiến ở El Alamein vẫn tự nhận là « đạo quân sông Nil » !

NGUYỄN - VẠN - PHÚC

Thơ' Ngọc - Bích

Những cảm xúc chân thành và mãnh liệt
trong tâm hồn thi sĩ đã được ghi chép
bằng những lời thơ đầy nhạc điệu.

Bìa do họa sĩ NGUYỄN HUYẾN trình bày

Loại sách quý : 1' Giấy giố lụa Sông Thao mỗi
cuốn 3p 50

2' Giấy giố lụa làng Nghè mỗi cuốn 2p.50

Hai hạng này để dành riêng cho các bạn yêu thơ
đặt tiền trước.

Loại phổ thông : Giấy bằn thượng hạng
Giá đặc biệt mỗi cuốn 0p.70

Chỉ bán theo cách lĩnh hóa giao ngân.

Thư từ và ngân phiếu gửi về cho

Ông Nguyễn Văn-Phúc

Voie 206 bis, n° 11 Hanoi

Nguyễn Du tổng phát hành.

Quyền lực của Anh to như thế, Ai-cập tuy vẫn tìm cách thoát ly nhất là đảng quốc-gia « Wald » nhưng chưa được vì sức còn yếu. Tình thế nghiêm trọng của Anh trong cuộc chiến tranh với Đức Ý gần đây đang gây cho dân Ai-cập những hi vọng lớn lao, như hồi 1935-1936 trước sự uy hiếp của quân Ý. Đức lại thừa dịp tuyên bố sẽ tôn trọng quyền độc lập Ai-cập bằng khẩu hiệu : « Xứ Ai-cập của của người Ai-cập » !



Kênh Suez

Là một chuyện dĩ nhiên khi nói đến sự quan trọng về chính trị và kinh tế của con sông đào này nối liền Âu-Châu với Á-Châu và Úc-Châu, sự quan trọng còn lớn hơn kênh Panama, nối Châu Á và Úc với Châu-Mỹ.

Ý định đào một kênh làm liên lạc Địa-trung-Hải với Hồng-hải đã có từ thời rất cổ và được bàn đi tính lại nhiều lần.

Từ đời vua Pharaons (năm 500 tr. T. C.), người ta đã đào một con sông nối hạ lưu sông Nil với Hồng Hải, gọi là con sông đào « nước ngọt » (le canal d'eau douce). Con sông đó về sau bỏ không dùng vì nhỏ hẹp đường đi ngoắt ngoéo không tiện lợi cho sự thông thương.

Mãi tới cuối thế kỷ thứ 18, đại tướng Bonaparte (tức là vua Napoléon) mới có ý định đào một kênh xuyên qua eo đất Suez theo bản dự án của Monge, một trong các nhà bác học đã theo Bonaparte trong cuộc chinh phạt Ai-Cập (1799). Vua xứ Ai-Cập, Mohammed Ali, về sau cũng dự định công cuộc ấy.

Song đến việc thực hành thì phải đợi tới quá nửa thế kỷ thứ 19 : một người Pháp, Ferdinand de Lesseps, một chính khách ngoại giao ở Ai-Cập, đứng ra lập một công ty gọi là công ty kênh Suez, được vua Napoléon III và pho vương Ai-Cập Mohammed Saïd giúp sức. Nước Anh hết sức ngăn trở công việc : Đảo quốc không bao giờ muốn một công cuộc vĩ đại ấy sẽ lọt vào nước khác được hưởng kết quả để một ngày kia có thể chẹn con đường giao thông của Anh với các thuộc địa.

...Thu - nhật tài-liệu để giúp vào sự giải-quyết những vấn-đề quan-hệ đến cuộc sinh-hoạt của dân-tộc Việt-Nam...

Mặc dầu những sự khó khăn việc đào kênh Suez vẫn tiếp tục từ 1860 đến 1869 thì hoàn thành. Trong công ty kênh Suez, các nước Pháp, Ai-cập, Thổ có nhiều cổ phần nhất. Không thể cản nổi công cuộc đó, nước Anh đã khôn khéo mua lại hầu hết cả cổ phần của pho vương Ai-cập vì nợ và tung tiền phải ban 1875), để chiếm phần kiểm sát con đường giao thông tối hệ trọng ấy.

Kênh Suez trong luật pháp quốc-tế

Theo bản « đặc hừa » (acte de concession) do pho vương Ai-cập Mohamed Saïd ký ngày 5 Janvier 1876, kênh Suez đặt dưới quyền quản trị và thu hoạch của công-ty trên, và được coi như đứng trung lập trong việc giao thông Song nguyên tắc tự do giao thông trên sông Su z sự thực chỉ bó buộc Ai-cập, Thổ và công ty khai khẩn sông đó.

Năm 1888 vì nước Anh kl.đi sướng, một hiệp ước quốc-tế đã ký ở Constantinople giữa các nước có quyền lợi ở kênh Suez : Anh, Đức, Áo, Tây-ban-nha, Pháp, Ý, Hòa-lan, Bỉ, Nga và Thổ. Theo hiệp ước đó Ai-cập và Thổ được ủy quyền bảo vệ kênh Suez để giữ sự trung lập của kênh ấy và sự tự do giao thông trên mặt sông.

Trong cuộc Âu-chiến 1914-1918 Thổ không đủ sức phòng thủ kênh Suez, phải để Anh làm công việc đó, thành ra sự trung lập của con sông đào này bị Đảo-quốc xâm phạm nhiều lần.

Hòa ước Versailles và hòa ước Lausanne xác nhận sự thi hành hiệp ước 1888 nhưng chuất quyền của Thổ trong việc hợp tác với Ai-cập để bảo vệ kênh Suez và giao cho Anh quốc. Nước này, bằng hiệp ước tương trợ ký năm 1936 (nói ở đoạn trên) đã được Ai-cập ủy quyền trông coi và phòng giữ con đường giao thông quan trọng ấy.

Không ai lạ gì quyền lợi của Anh trên con đường này. Sự trung lập của kênh Suez và sự tự do giao thông trên đó, nói ở trong hiệp ước 1888 vẫn phải thi hành, chỉ còn có giá trị ở trên giấy một khi bắt đầu có triệu chứng chiến tranh. Vì vậy trong mấy năm gần đây, người ta thấy đóng ở hai bên sông đào rất nhiều quân đội và dựng lên nào là trại lính, nào là pháo đài, trường bay mỗi ngày một đồ sộ. Trong khi ấy Ý vẫn tập trung quân đội ở Tripolitaine để sửa soạn một cuộc xâm chiếm kênh Suez.

Mục đích đó đang thực hành trong cuộc đại chiến ở Bac-phi, mà thế giới nóng trông kết quả.

(Xem tiếp kỳ sau)



Mặt trận Nga.

Quân Đức sau khi đã chiếm được Voronej trên đường xe lửa Moscou — Rostov bèn tiến xuống miền Nam, tập trung một triệu quân để bao vây

Rostov. Sau 7 ngày kháng chiến Rostov đã thất thủ ngày 24 Juillet. Quân Đức sửa soạn đánh miền Caucase. Thống chế Timochenko hấp tấp lui binh về giữ miền dầu hỏa là nơi thủ mệnh của Nga hiện giờ. Số dầu hỏa mà Nga trữ được chỉ đủ dùng trong chừng 3 tháng nữa thôi. Có tin quân Anh và Ấn có lẽ đã tới đóng ở phía bắc Ba tư để dự vào việc phòng thủ miền nam Caucase.

Anh Mỹ có lập mặt trận thứ hai ở tây Âu để cứu Nga không? Việc ấy đã được tuyên bố từ 8 tuần lễ nay, nhưng xem chừng Không làm nổi vì không có tàu vận tải. Đồng minh chỉ vừa vận có đủ số tàu buôn để giữ việc vận lương sang Anh, sang Nga, sang Úc..v.v... mà số tàu bị đánh đắm hiện nay lớn hơn số tàu đóng được!

Mặt trận Thái-bình-dương và Á-đông.

Trong khi Đồng minh đang nguy khốn ở Âu-Châu, Nhật lại dục địch bắt đầu tấn công. Trung khánh vẫn bị thua, quân Cộng sản ở miền bắc bị phá vỡ và Nhật tập trung những đội quân. . . . ở biên thù Tây-bá-lợi-á

Ở miền Nam, Nhật đổ bộ vài nơi trong đảo Nv. Guinée. Australie có thể bị uy hiếp nay mai.

Ở Pháp

Sự bại-trận của Anh ở Bắc-Phi đã gây một vấn đề khó khăn giữa Pháp và Anh Mỹ về những tàu chiến Pháp đậu ở bến Alexandrie. Ngay sau hiệp-ước đình chiến, những tàu đó bị Anh giữ lại đó. Nay thấy tình thế Alexandrie nguy ngập, Anh xui Mỹ yêu cầu chính-phủ Pháp ra lệnh cho hạm-đội của đô đốc Godefroy phải rời Alexandrie đi qua kênh Suez sang đảo Martinique : Anh dọa sẽ phải hủy hạm Đội Pháp nếu chính phủ Vichy không theo lời yêu cầu Mỹ. Thủ tướng Laval bác lời đề-nghị của Mỹ, viện lý rằng Pháp phải theo đúng hiệp ước đình chiến ký với Đức-Ý trong đó có khoản nói rằng tất cả những tàu chiến Pháp phải về đóng trong một hải cảng Pháp mà Đức-Ý thì hứa để cho Pháp được quyền giữ tất cả những tàu chiến.

Đô đốc Godefroy đã được lệnh của chính-phủ phải đưa hạm đội về đóng ở một hải cảng Pháp nếu quân đội Anh rút lui ra khỏi Alexandrie, hoặc

nếu không thể rời Alexandrie được thì phải đóng yên ở đó và trung cờ Pháp không được rút lui theo quân Anh trong bất kỳ một trường hợp nào.

Ở Đông-Dương.

Quan Toàn quyền Đông-Dương và đại sứ Yoshizawa Nhật vừa ký ở saigon ngày 18 Juillet một bản hiệp-ước kinh-tế Nhật Đông-Dương. Theo bản hiệp ước đó Nhật sẽ xuất cảng sang Đông-Dương những hàng hóa như vải, bông v. v... và Đông Dương sẽ bán sang nhật gạo, ngô và nhiều thực khác.

Ngày 15 Juillet đã khai mạc Hội-nghị Liên-Bang ở Saigon, đề thảo luận nhiều việc dự định thay đổi quan trọng về chính-trị ở Đông-Dương.

Quan Toàn-quyền đã ký nghị-định, định giá báo và số trang như các báo pháp văn và Quốc văn đã thi hành hiện thời. Nếu vì khan giấy mà báo tây phải rút xuống 2 trang thì giá báo cũng rút xuống một nửa. Giá báo hẳn có liên lạc với giá giấy. Cũng như các hàng hóa khác, nhà nước đã định giá giấy. Tuy nhiên bọn đầu cơ — vẫn từng hoặc chưa từng buôn giấy bao giờ — thừa dịp khan này tích trữ thứ hàng đó để tự-ý tăng giá. Vẫn có một thị trường đen tối về giấy, thật là một nạn lớn cho nghề làm báo! Thiết tưởng, sau khi đã định giá báo nhà nước nên trừ ráo riết bọn đầu cơ giấy.

Viết ngày 30-7 1942

V. H.

Đính chính

— Về bài « Bốn chữ... » trong kỳ trước, đầu đề xin đọc là : « Lối Bốn chữ của người Pháp và lối tá-âm trong câu đối của ta. »

— Trong bài Địa vị Khổng-tử trong Nho-giáo ra ngày 1er Juillet 1942 báo Thanh Nghị số 16, trang mười hai cuối hàng 15, sau ba chữ : Khổng Tử nói..... đáng lẽ viết : « Ta cầu đảo đã lâu rồi ». « Đối với quỷ thần...v.v.v... » tác giả đã viết nhầm : « Có tội với giới thì chử cầu vào đầu được ».v.v.v.

Nay xin đính chính và trân trọng xin lỗi với các độc-giả.

GIẤY BÁO :

THANH NGHỊ : mỗi số : 0 \$ 25, 3 tháng 1 \$ 50, 6 tháng 2 \$ 80, 12 tháng 5 \$ 40
 V. M. TRÈ EM : — 0 \$ 15, — 1 \$ 30, — 2 \$ 60 — 5 \$ 00

TÒA BÁO : 102, PHỐ HÀNG BÔNG — Giấy nói : 672

ĐỌC SÁCH MỚI

Ngô tất Tố *Lều Chõng* Mai-Lĩnh — Chu Thiên *Bút Nghiên* Hàn Thuyên—Phan trần Chúc *Danh-nhân Việt-Nam Tân-Dân* — Phan trần Chúc *Bằng quận Công* Mai-Lĩnh — Lê văn Trương *Những*

kẻ có lòng Đới-Mới — Lê đình Ngân *Đạm Tiên* Đông Phương.

VẤN hào Paul Valéry trong một bài đại-luận có nhận ra rằng phạm một dân tộc lúc đang bản khoán đi tìm một lý-tưởng mới thay đổi cho những lý-tưởng cũ bị xụp đổ, thường hay quay về dĩ vãng tìm một bài học trong lịch-sử, nhớ lại hành vi các vị cứu-quốc cử động của các đấng anh-hùng. Điều nhận xét đó không biết có hợp với dân Việt-Nam chăng, tuy lúc này các nhà văn của chúng ta để ý đến quá khứ rất nhiều

■

Ông Ngô tất Tố và ông Chu Thiên trong *Lều-Chõng* và *Bút-Nghiên* đã cố sức tả rất tỉ mỉ chế độ khoa cử ngày xưa. Mục đích đó, hai ông đã đạt được nhưng đạt được một cách quá hoàn toàn thành ra có hại cho vẻ sống của các nhân vật trong chuyện. Đọc sách của hai ông — nhất là của ông Chu Thiên — người ta có cảm tưởng là câu chuyện chỉ là mượn đề giải bày phép thi thời trước và vì thế những lời nói thường miễn cưỡng kém về tự nhiên. Tuy vậy có nhiều đoạn của quyển *Lều Chõng* rất linh động, nhất là đoạn tả cái cảnh học trò thi. Xem những đoạn văn đó người ta có thể biết rằng tác giả đã từng sống cuộc đời của một kẻ « lều chõng ». Sự đó rất rõ rệt vì khi tả đến thi Đình thì tuy sự biết vẫn ròi rào nhưng giọng văn mất phần kinh nghiệm. Ông Ngô Tất Tố, sau nữa, vì cố ý muốn phản đối chế độ thi cử cũ nên rất thiên lệch. Người học trò của ông từ lúc bắt đầu đi thi cho đến lúc từ giã trường ốc toàn bị hỏng vì những sự bất công. Sự quá đáng của những sự bất công đó có thể làm cho một độc-giả ngờ đến sự thật của những điều ông nói.

Ông Phan-trần-Chúc vẫn tiếp tục công cuộc khảo cứu về lịch-sử. Ông cho xuất bản cách nhau chỉ trong vòng một tháng quyển *Danh nhân Việt-Nam* và quyển *Bằng quận-Công*. Quyển *Danh nhân Việt-Nam* tả lại đời những nhân vật của hồi Lê-mạt : một ông Vua, một ông Hoàng, hai người

liệt phụ, một tay gian hùng với chín mươi người trung thần, trừ vua Chiêu-Thống là một ông vua không có nghị lực, vô tài mà lại đa nghi, trừ Nguyễn hữu Chính có một thân thể riêng còn các vị « danh nhân » kia đều theo dung hành động phải có của một nhà nho chân chính. Nhưng ta nên nhận ra rằng hồi đó cái quan niệm quốc gia của người ta còn rất thấp kém. Vua với nước là một cho nên trung với vua là trung với nước rồi vậy. Vì thế nên người đọc sách có cái cảm tưởng là những vị trung thần đó không phải là những vị anh hùng của cả nước mà chỉ là những người treo một gương sáng vì can đảm và trung thành với một người.

Quyển *Bằng quận-Công* tả đời Nguyễn hữu Chính có thể nói là chỉ nhắc lại những điều đã nói ở quyển trên bởi vì nói đến Chính tức là phải nhắc lại cả hồi Lê-mạt, gọi đến tên nhiều bậc « danh nhân » đã dẫn ra ở quyển *Danh nhân Việt-Nam* nhưng phải khen ông P. T. C. đã có công nhắc nổi lại đề làm thành một quyển sách đọc ham như đọc những chuyện Tam-quốc-chí. Nhưng còn nói rằng quyển sách đó có thể dùng làm tài liệu cho sử học thì đó là một việc đáng ngờ. Tuy P. T. C. đã quên không kê rõ cho ta xem những sách ông chăm khảo những lời nói của các nhân vật lắm lúc lại viết bằng một giọng văn mà chỉ có các nhà tân-học mới nói nổi. Đó là hai điều làm cho người ta nghi kỵ về sự thật của những việc tác giả viện ra.

Ông Lê văn Trương trong quyển tiểu thuyết *Những kẻ có lòng* tả một chàng thanh-niên vì muốn mang lại hạnh-phúc cho một thiếu nữ sinh vào một gia-đình không ra gì nên hi sinh cả danh giá, ái-tình của mình. Thao là một người sống bằng cảm tình, đặt tình thương lên trên mọi sự. Cũng như các nhân vật khác của ông L. V. T. những nhân vật của quyển N. K. C. L. đều là của tác giả đặt ra chứ không thể có thực được. Người ta có thể nói rằng những người đó tác giả nghĩ ra đề tỏ rõ một tư-tưởng của mình. Vì thế nên về phương diện nghệ-thuật, tâm-lý của các nhân-vật trong chuyện có vẻ sơ sai quá. Nhưng đứng về phương diện luân-lý thì tác-phẩm của Lê văn Trương (trừ vài quyển) nên đề phần đồng dân chúng đọc.

Quyển tiểu thuyết của ông Lê đình Ngân là một chuyện tình và cũng như các chuyện khác, kể từ Tố-Tâm, qua Hồn bướm mơ tiên, những chi tiết không có gì là thay đổi. Tác giả có lẽ là một người không ưa gặp khó cho nên những nhân vật trong chuyện được đặt vào một cảnh ngộ và một hoàn cảnh rất hợp cho sự tiến hóa của một mầm tình : người ta có cái cảm giác là khi tác giả viết chuyện, ông không phải giải quyết một sự khó

khán gi cả. Một chàng thanh niên đến ở trọ nhà một người đàn bà góa, yêu con gái người đó và được yêu trả lại. Nhưng chàng thấy mình không xứng làm chồng (có lẽ vì không đủ gây hạnh-phúc cho người yêu) nên cố sức tìm cách để thiếu nữ nhận lời lấy một người khác (yêu một người con gái khác). Chàng đã đạt được mục đích để mà thất vọng. Kết cục rất là hợp với một chuyện lãng mạn : chàng thanh niên chết ở nhà thương vì lao và không được một ai hỏi tới.

Tuy câu chuyện không có gì đặc sắc, nhưng ông Lê đình Ngân đã tỏ ra rằng có nhiều đức tính tốt để viết văn. Giọng văn của ông rất dãn dị, nhẹ nhàng. Cách phân tích tâm lý cũng rất tỉ mỉ, sâu sắc.

Les principales contributions indirectes en Indochine, tác giả Vũ văn Hiến, luật-khoa tiến-sĩ, luật sư tập sự ở tòa Thượng-thẩm Hanoi, in và bán ở nhà in Viễn-Đông. Một tập tài liệu quý giá cho các nhà khảo cứu và thi hành luật pháp trong địa hạt thuế khóa.

L. H. V.

ĐÃ CÓ BÁN

XUÂN THU

NHÃ-TẬP

TƯ-TƯỚNG, VĂN-CHƯƠNG VÀ NGHỆ-THUẬT
TIÊN-PHONG



Mấy lời thanh-minh

Muốn cho « Xuân-thu Nhã-tập » là một quyển sách toàn-mỹ, nên việc ấn-loát rất công-phu và tinh-tế.

Vì vậy sách không ra đúng được tháng Mai 1942, như lời ước hẹn.

Nay, công việc ấn loát đã hoàn thành và sách đã có bán tại khắp các hiệu sách lớn.

Người xuất bản

CÁC NGÀI LƯU Ý TRONG LÚC

Dùng chè ĐỒNG-LƯƠNG

Chúng tôi nhận được thư của nhiều bạn hàng và các nhà sành trà báo cho chúng tôi biết hiện nay có rất nhiều thứ chè làm giống như chè ĐỒNG-LƯƠNG và có nhiều kẻ tự xưng là người của hiệu ĐỒNG-LƯƠNG mang những thứ chè rất xấu đó đi bán rao khắp nơi nữa.

Vậy chúng tôi xin nhắc đề các bạn hàng yêu quý của chè ĐỒNG-LƯƠNG rõ: TỪ 20 NĂM NAY CHÈ ĐỒNG-LƯƠNG KHÔNG BAO GIỜ CHO ĐEM ĐI BÁN RAO NHƯ VẬY.

Và trong lúc chúng tôi nhờ pháp luật dò xét trừng trị bọn vô lương tâm đó, chúng tôi ước mong các ngài nếu thấy một kẻ nào mạo nhận là người của chúng tôi cho đi bán rao trà thì xin vạch rõ cách hành động để hèn của chúng trước quốc dân để trừ diệt những kẻ khốn nạn dùng lối cạnh tranh hèn mạt, ngu dại làm phi tiếng hàng nội hóa và làm cản trở sự tiến bộ của nền công nghệ Việt-Nam. Chúng tôi lại mong các ngài mỗi khi mua trà xin đến thẳng Tổng-cục chè ĐỒNG-LƯƠNG ở số nhà 40 PHỐ HÀNG NGANG HANOI hoặc các Đại-lý chè ĐỒNG-LƯƠNG ở khắp các tỉnh thì sẽ không bị nhầm và bị lừa dối.

CHÈ ĐỒNG - LƯƠNG kính cáo

ĐÃ CÓ BẢN KHẮP ĐÔNG-PHÁP :

LÀM TIỀN

Phóng sự của **TRỌNG - LANG**

Với ngòi bút phóng sự rất sâu sắc, vừa trào lộng, vừa rắn dỏi, **TRỌNG-LANG** đem ra ánh sáng đủ các mảnh khoe làm tiền của nhiều hạng người trong xã-hội.

Có kèm một trang tự tích của tác giả.

Giá : 1 \$ 20

KINH CẦU TỰ

của **HUY CẬN**

Bản thường : hết

Bản giấy Vergé giá : 4 \$ 50

Bản giấy Dó Lũa giá : 3 \$ 50

TIÊU NHIÊN MỊ CƠ

phóng tác của **VŨ NGỌC-PHAN**

theo « le roman de Tristan et Iseult »

câu chuyện tình hay nhất thế-giới

Sách giầy : 258 trang, giá : 1 \$ 25

ĐANG IN SẮP XONG :

QUÊ NGƯỜI

tiểu thuyết dài đầu tay

của : **TÔ - HOÀI**

Dưới bút tác giả, tất cả cái xã-hội lố lĩnh, đáng thương ở nơi bờ tre đồng lúa, được phác họa rất tinh tế, cận kề.

CHUYỆN VÔ LÝ

phiếm luận

của : **LĂNG - NHÂN**

Phùng Tất-Đắc, tác giả :

« **TRƯỚC ĐÈN** »

Có tựa của : Nguyễn-Giang

và

ĐẦY VỚI

tập thơ tuyệt tác của **Đái Đức-Tuấn** tức **Tchya**

« **ĐẦY VỚI** » là công trình của mười lăm năm trầm mặc.

« **ĐẦY VỚI** » sẽ hiến các bạn những phút mê-ly êm-ả trong găm tuyệt mỹ của văn-chương.

Ngày nay « **ĐẦY VỚI** » ra đời trong loại sách « **Nghệ - Thuật** » của nhà xuất bản « **MỚI** ».

Cách ấn loát « **ĐẦY VỚI** » thật là đơn giản, song rất công phu và mỹ thuật đề xứng đáng với giá trị của « **ĐẦY VỚI** ».

« **ĐẦY VỚI** » in ra chỉ có hạn : đúng 567 bản chia làm hai hạng :

1) Hạng đặc biệt : 15 bản, in trên giấy Dó Vàng thượng hạng thủy ấn « **Tám như minh nguyệt** », giá mỗi bản 30 \$ 00 (đặt tiền trước : 25 \$ 00).

2) Hạng phổ thông : 500 bản, in trên giấy Dó Lũa hạng tốt thủy ấn « **Tám như minh nguyệt** ». giá mỗi bản 7 \$ 00 (đặt tiền trước : 5 \$ 00).

Còn 52 bản, không bán, để tặng thân bằng và các nhà báo.

Có in ra 1000 bản thông cáo trên giấy LỰA DÓ để gửi tặng các bạn muốn biết « **ĐẦY VỚI** ».

THƯ TỪ VÀ NGÂN PHIẾU XIN GỬI VỀ : **ô. Lê Văn-Dự** GIÁM ĐỐC :

NHÀ XUẤT BẢN "MỚI"

Bắc - kỳ — 57, Phúc - Kiến — Hà - Nội